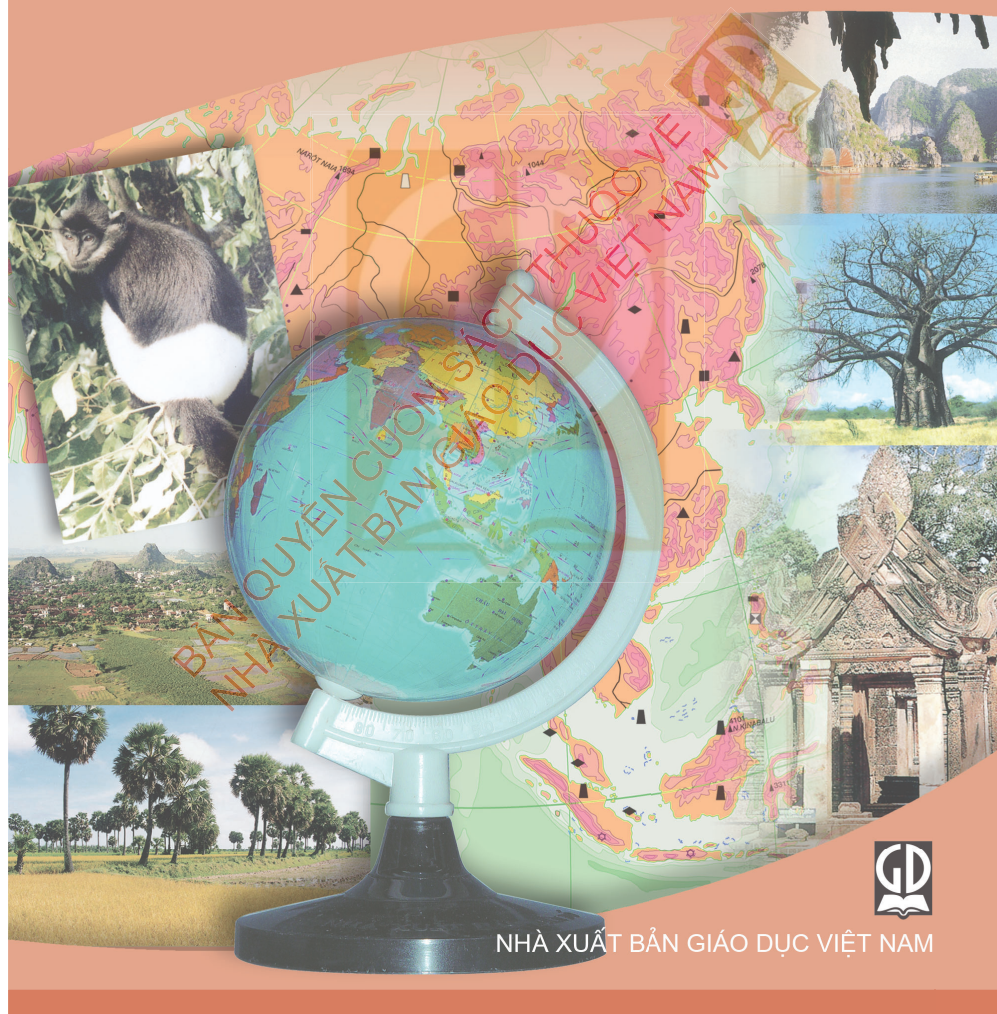


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỊA LÍ 8



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN DUOC (Tổng chủ biên)
NGUYỄN PHI HẠNH (Chủ biên)
ĐẶNG VĂN ĐỨC - ĐẶNG VĂN HƯƠNG - NGUYỄN MINH PHƯƠNG

ĐỊA LÍ 8

(Tái bản lần thứ mười bảy)

BẢN QUYỀN CUỐN SÁCH THUỘC VỀ
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

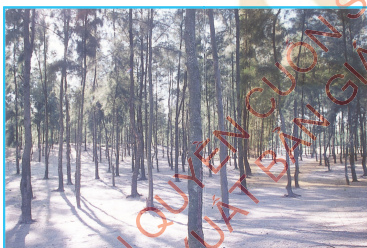
Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau !



Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC (tiếp theo)

XI. CHÂU Á





Bài 1 : VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

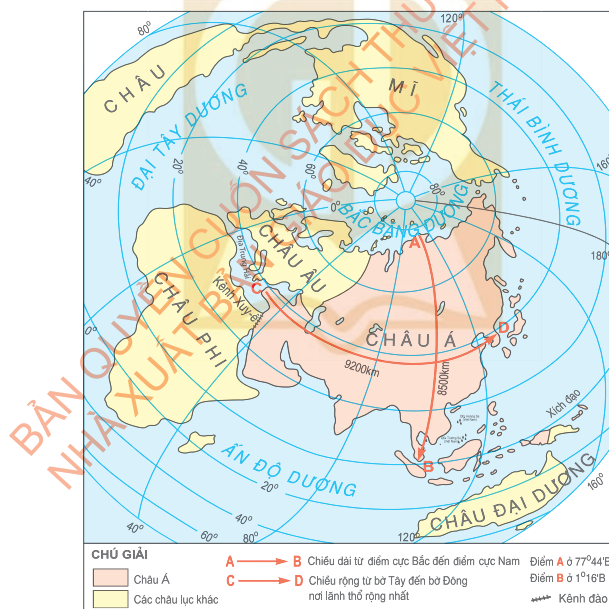
Châu Á là châu lục rộng lớn nhất, có điều kiện tự nhiên phức tạp và đa dạng. Tính phức tạp, đa dạng đó được thể hiện trước hết qua cấu tạo địa hình và sự phân bố khoáng sản.

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ KÍCH THƯỚC CỦA CHÂU LỤC

Châu Á là một bộ phận của lục địa Á - Âu. Diện tích phần đất liền rộng khoảng 41,5 triệu km², nếu tính cả diện tích các đảo phụ thuộc thì rộng tới 44,4 triệu km².

Dựa vào hình 1.1, em hãy cho biết :

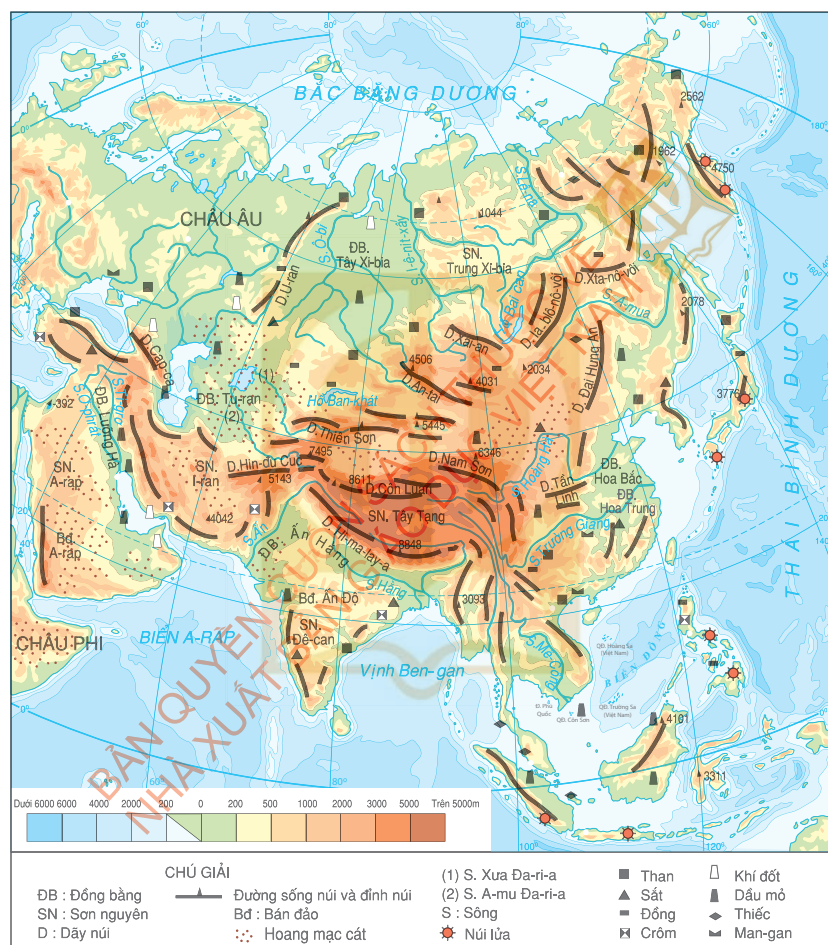
- Điểm cực Bắc và cực Nam phần đất liền của châu Á nằm trên những vĩ độ địa lí nào ?
- Châu Á tiếp giáp với các đại dương và các châu lục nào ?



Hình 1.1. Lược đồ vị trí địa lí châu Á trên Địa Cầu

- Chiều dài từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam, chiều rộng từ bờ Tây sang bờ Đông nơi lãnh thổ mở rộng nhất là bao nhiêu kilômét ?

Châu Á kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo, tiếp giáp với hai châu lục và ba đại dương rộng lớn. Đây là châu lục rộng nhất thế giới.



Hình 1.2. Lược đồ địa hình, khoáng sản và sông hồ châu Á

2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

a) Đặc điểm địa hình

Dựa vào hình 1.2, em hãy :

- Tìm và đọc tên các dãy núi chính : Hi-ma-lay-a, Côn Luân, Thiên Sơn, An-tai... và các sơn nguyên chính : Trung Xi-bia, Tây Tạng, A-ráp, I-ran, Đê-can...
- Tìm và đọc tên các đồng bằng rộng bậc nhất : Tu-ran, Lương Hà, Ấn - Hằng, Tây Xi-bia, Hoa Bắc, Hoa Trung v.v...
- Xác định các hướng núi chính.

Dựa vào hình 1.2, chúng ta có thể thấy :

- Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.
- Các dãy núi chạy theo hai hướng chính : đông - tây hoặc gần đông - tây và bắc - nam hoặc gần bắc - nam làm cho địa hình bị chia cắt rất phức tạp.
- Các núi và sơn nguyên cao tập trung chủ yếu ở vùng trung tâm. Trên các núi cao có băng hà bao phủ quanh năm.

b) Khoáng sản

Dựa vào hình 1.2, em hãy cho biết :

- Ở châu Á có những khoáng sản chủ yếu nào ?
- Dầu mỏ và khí đốt tập trung nhiều nhất ở những khu vực nào ?

Châu Á có nguồn khoáng sản rất phong phú và có trữ lượng lớn. Các khoáng sản quan trọng nhất là dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, crôm và một số kim loại màu như đồng, thiếc, ...

Châu Á là châu lục rộng lớn nhất thế giới, nằm kéo dài từ vùng cực Bắc đến vùng xích đạo. Trên lãnh thổ có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ chạy theo hai hướng chính và nhiều đồng bằng rộng nằm xen kẽ với nhau làm cho địa hình bị chia cắt phức tạp.

Châu Á có nguồn khoáng sản phong phú, quan trọng nhất là : dầu mỏ, khí đốt, than, sắt, crôm và nhiều kim loại màu.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy nêu các đặc điểm về vị trí địa lí, kích thước của lãnh thổ châu Á và ý nghĩa của chúng đối với khí hậu.
2. Hãy nêu các đặc điểm của địa hình châu Á.
3. Dựa vào hình 1.2, hãy ghi tên các đồng bằng lớn và các sông chính chảy trên từng đồng bằng vào vở học theo bảng mẫu dưới đây :

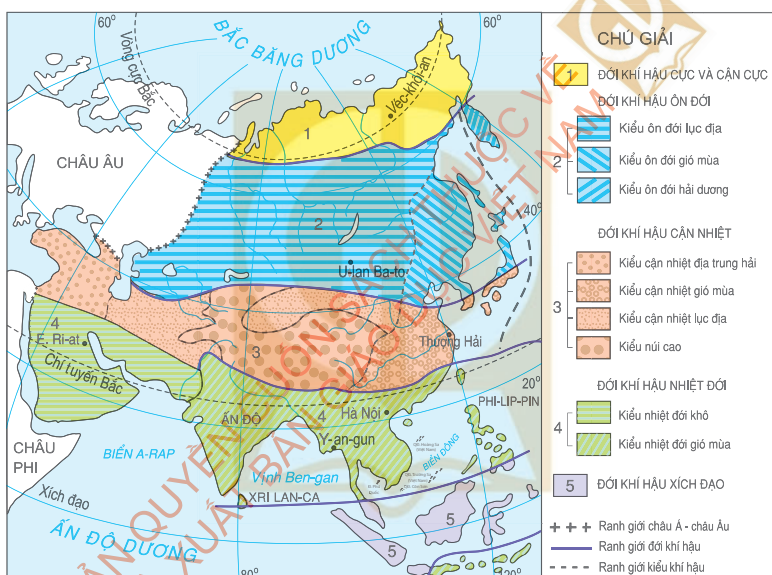
STT	Các đồng bằng lớn	Các sông chính
1		
2		
3		



Bài 2 : KHÍ HẬU CHÂU Á

Châu Á nằm trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo, có kích thước rộng lớn và cấu tạo địa hình phức tạp. Đó là những điều kiện tạo ra sự phân hoá khí hậu đa dạng và mang tính lục địa cao.

1. KHÍ HẬU CHÂU Á PHÂN HOÁ RẤT ĐA DẠNG



Hình 2.1. Lược đồ các đới khí hậu châu Á

a) Khí hậu châu Á phân hoá thành nhiều đới khác nhau

Quan sát hình 2.1, em hãy :

- Đọc tên các đới khí hậu từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo dọc theo kinh tuyến 80°Đ.
- Giải thích tại sao khí hậu châu Á lại chia thành nhiều đới như vậy ?

b) Các đới khí hậu châu Á thường phân hoá thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau
Quan sát hình 2.1, em hãy chỉ một trong các đới có nhiều kiểu khí hậu và đọc tên các kiểu khí hậu thuộc đới đó.

Như vậy, châu Á có nhiều đới khí hậu khác nhau. Sự đa dạng này là do lãnh thổ trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo. Mặt khác, ở một số đới lại chia thành nhiều kiểu mà nguyên nhân chính là do lãnh thổ rất rộng, có các dãy núi và sơn nguyên cao ngăn ảnh hưởng của biển xâm nhập sâu vào nội địa. Ngoài ra, trên các núi và sơn nguyên cao khí hậu còn thay đổi theo chiều cao.

2. KHÍ HẬU CHÂU Á PHỔ BIẾN LÀ CÁC KIỂU KHÍ HẬU GIÓ MÙA VÀ CÁC KIỂU KHÍ HẬU LỤC ĐỊA

a) Các kiểu khí hậu gió mùa

Quan sát hình 2.1, em hãy chỉ các khu vực thuộc các kiểu khí hậu gió mùa.

Khí hậu gió mùa châu Á gồm các kiểu : khí hậu gió mùa nhiệt đới phân bố ở Nam Á và Đông Nam Á, khí hậu gió mùa cận nhiệt và ôn đới phân bố ở Đông Á.

Trong các khu vực khí hậu gió mùa, một năm có hai mùa rõ rệt : mùa đông có gió từ nội địa thổi ra, không khí khô, lạnh và mưa không đáng kể. Mùa hạ có gió từ đại dương thổi vào lục địa, thời tiết nóng ẩm và có mưa nhiều. Đặc biệt, Nam Á và Đông Nam Á là hai khu vực có mưa vào loại nhiều nhất thế giới.

b) Các kiểu khí hậu lục địa

Quan sát hình 2.1, em hãy :

- Chỉ những khu vực thuộc các kiểu khí hậu lục địa.
- Cho biết các kiểu khí hậu lục địa có những đặc điểm chung gì đáng chú ý ?

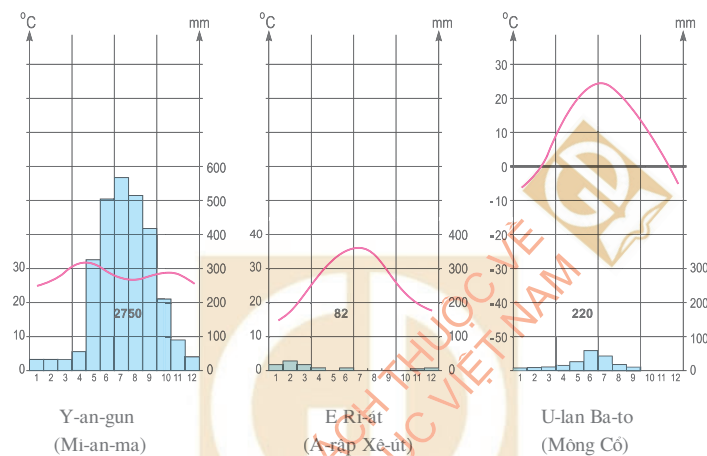
Các kiểu khí hậu lục địa phân bố chủ yếu trong các vùng nội địa và khu vực Tây Nam Á. Tại các khu vực này về mùa đông khô và lạnh, mùa hạ khô và nóng. Lượng mưa trung bình năm thay đổi từ 200-500mm, độ bốc hơi rất lớn nên độ ẩm không khí luôn luôn thấp. Hầu hết các vùng nội địa và Tây Nam Á đều phát triển cảnh quan bán hoang mạc và hoang mạc.

Tóm lại, khí hậu châu Á phân hoá rất đa dạng, thay đổi theo các đới từ bắc xuống nam và theo các kiểu từ duyên hải vào nội địa. Có các kiểu khí hậu phổ biến : khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa vào các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của ba địa điểm dưới đây, em hãy cho biết :

- Mỗi địa điểm nằm trong kiểu khí hậu nào ?
- Nêu đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của mỗi địa điểm đó.



2. Dựa vào bảng 2.1, hãy vẽ biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa vào vở học và xác định địa điểm này thuộc kiểu khí hậu nào ?

Bảng 2.1. Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng tại Thượng Hải (Trung Quốc)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	3,2	4,1	8,0	13,5	18,8	23,1	27,1	27,0	22,8	17,4	11,3	5,8
Lượng mưa (mm)	59	59	83	93	93	76	145	142	127	71	52	37



Bài 3 : SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU Á

Châu Á có mạng lưới sông ngòi khá phát triển, song sự phân bố không đều và chế độ nước thay đổi phức tạp. Các cảnh quan tự nhiên phân hoá đa dạng. Nhìn chung, thiên nhiên châu Á có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu lục này.

1. ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI

- Sông ngòi ở châu Á khá phát triển và có nhiều hệ thống sông lớn.

Dựa vào hình 1.2, em hãy cho biết :

+ Các sông lớn của Bắc Á và Đông Á bắt nguồn từ khu vực nào, đổ vào biển và đại dương nào ?

+ Sông Mê Công (Cửu Long) chảy qua nước ta bắt nguồn từ sơn nguyên nào ?

- Các sông ở châu Á phân bố không đều và có chế độ nước khá phức tạp.

Ở Bắc Á, mạng lưới sông dày và các sông lớn đều chảy theo hướng từ nam lên bắc.

Về mùa đông các sông bị đóng băng kéo dài. Mùa xuân, băng tuyết tan, mực nước sông lên nhanh và thường gây ra lũ băng lớn.

Dựa vào hình 1.2 và 2.1 em hãy cho biết sông Ô-bi chảy theo hướng nào và qua các đới khí hậu nào. Tại sao về mùa xuân vùng trung và hạ lưu sông Ô-bi lại có lũ băng lớn ?

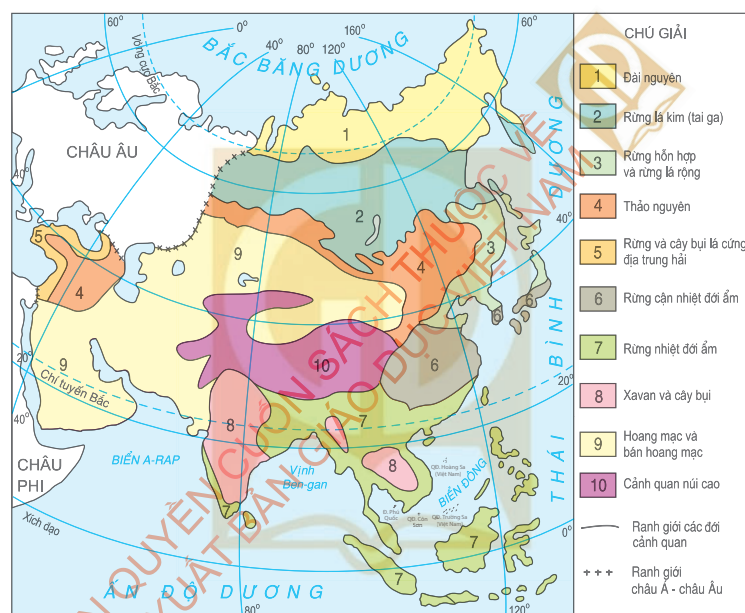
Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á là những khu vực có mưa nhiều nên ở đây mạng lưới sông dày và có nhiều sông lớn. Do ảnh hưởng của chế độ mưa gió mùa, các sông có lượng nước lớn nhất vào cuối hạ đầu thu và thời kì cạn nhất vào cuối đông đầu xuân.

Tây Nam Á và Trung Á là những khu vực thuộc khí hậu lục địa khô hạn nên sông ngòi kém phát triển. Tuy nhiên, nhờ nguồn nước do tuyết và băng tan từ các núi cao cung cấp, ở đây vẫn có một số sông lớn. Điển hình là các sông Xưa Đa-ri-a, A-mu Đa-ri-a ở Trung Á, Ti-grơ và O-phrát ở Tây Nam Á.

Lưu lượng nước sông ở các khu vực này càng về hạ lưu càng giảm. Một số sông nhỏ bị "chết" trong các hoang mạc cát.

- Các sông của Bắc Á có giá trị chủ yếu về giao thông và thủy điện, còn sông các khu vực khác có vai trò cung cấp nước cho sản xuất, đời sống, khai thác thủy điện, giao thông, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

2. CÁC ĐỚI CẢNH QUAN TỰ NHIÊN



Hình 3.1. Luộc đồ các đới cảnh quan tự nhiên châu Á

Dựa vào hình 2.1 và 3.1, em hãy cho biết :

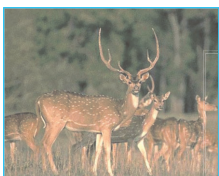
- Tên các đới cảnh quan của châu Á theo thứ tự từ bắc xuống nam dọc theo kinh tuyến 80°Đ.
- Tên các cảnh quan phân bố ở khu vực khí hậu gió mùa và các cảnh quan ở khu vực khí hậu lục địa khô hạn.

Cảnh quan tự nhiên ở châu Á phân hoá rất đa dạng.

- Rừng lá kim (hay rừng tai-ga) ở châu Á có diện tích rất rộng, phân bố chủ yếu ở đồng bằng Tây Xi-bia, sơn nguyên Trung Xi-bia và một phần ở Đông Xi-bia.

- Rừng cận nhiệt ở Đông Á và rừng nhiệt đới ẩm ở Đông Nam Á và Nam Á là các loại rừng giàu bậc nhất thế giới. Trong rừng có nhiều loại gỗ tốt, nhiều loại động vật quý hiếm.

Ngày nay, trừ rừng lá kim, đa số các cảnh quan rừng, xavan và thảo nguyên đã bị con người khai phá, biến thành đất nông nghiệp, các khu dân cư và khu công nghiệp. Các rừng tự nhiên còn lại rất ít, bởi vậy việc bảo vệ rừng là nhiệm vụ rất quan trọng của các quốc gia ở châu Á.



Hươu sao



Gấu trúc



Hổ

Hình 3.2. Một số động vật quý hiếm ở châu Á

3. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA THIÊN NHIÊN CHÂU Á

- Châu Á có nguồn tài nguyên thiên nhiên rất phong phú :

Nhiều loại khoáng sản có trữ lượng rất lớn, đáng chú ý nhất là than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, thiếc ...

Các tài nguyên khác như đất, khí hậu, nguồn nước, thực vật, động vật và rừng rất đa dạng, các nguồn năng lượng (thủy năng, gió, năng lượng mặt trời, địa nhiệt...) rất dồi dào. Tính đa dạng của tài nguyên là cơ sở để tạo ra sự đa dạng các sản phẩm.

- Thiên nhiên châu Á cũng gây nhiều khó khăn cho con người :

Các vùng núi cao hiểm trở, các hoang mạc khô cằn rộng lớn, các vùng khí hậu giá lạnh khắc nghiệt chiếm tỉ lệ lớn so với toàn bộ lãnh thổ đã gây trở ngại lớn cho việc giao lưu giữa các vùng, việc mở rộng diện tích trồng trọt và chăn nuôi của các dân tộc.

Các thiên tai như động đất, hoạt động núi lửa, bão lụt... thường xảy ra ở các vùng đảo và duyên hải Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á, gây thiệt hại lớn về người và của.

Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn nhưng phân bố không đều.

Cảnh quan thiên nhiên phân hoá rất đa dạng. Ngày nay phần lớn các cảnh quan nguyên sinh đã bị con người khai phá, biến thành đồng ruộng, các khu dân cư và khu công nghiệp.

Thiên nhiên châu Á có nhiều thuận lợi nhờ nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú song cũng nhiều khó khăn do núi non hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt và thiên tai bất thường.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa vào hình 1.2 và các kiến thức đã học, em hãy kể tên các sông lớn ở Bắc Á, nêu hướng chảy và đặc điểm thủy chế của chúng.

2. Dựa vào hình 3.1, em hãy cho biết sự thay đổi các cảnh quan tự nhiên từ tây sang đông theo vĩ tuyến 40°B và giải thích tại sao có sự thay đổi như vậy.

3. Em hãy sưu tầm và ghi tóm tắt những thông báo về một số thiên tai thường xảy ra ở nước ta và các nước khác thuộc châu Á.

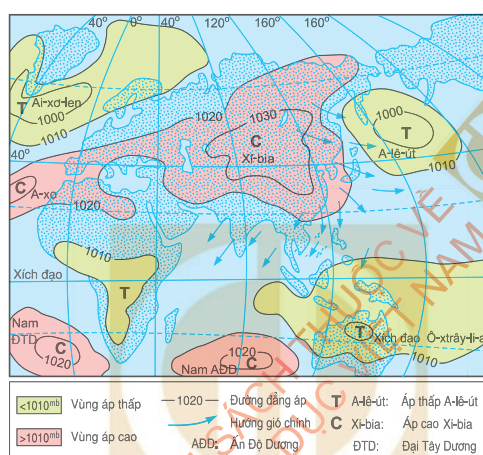
(Các thiên tai gồm : bão, lụt, động đất, hoạt động núi lửa.

Nội dung tóm tắt : loại thiên tai, ngày tháng năm xảy ra, nơi xảy ra, những thiệt hại đã biết; nguồn tài liệu : sách, báo, truyền thanh, truyền hình...).

Bài 4 : Thực hành

PHÂN TÍCH HOÀN LƯU GIÓ MÙA Ở CHÂU Á

1. Phân tích hướng gió về mùa đông



Hình 4.1. Lược đồ phân bố khí áp và các hướng gió chính về mùa đông (tháng 1) ở khu vực khí hậu gió mùa châu Á

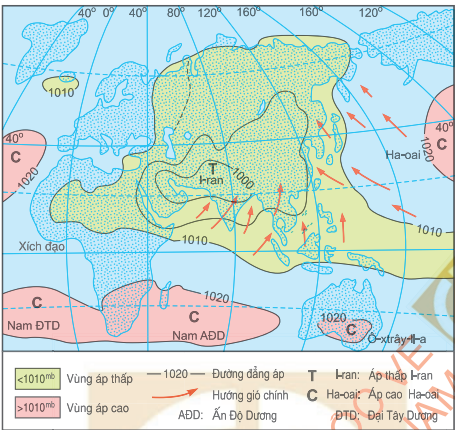
Dựa vào hình 4.1, em hãy :

- Xác định và đọc tên các trung tâm áp thấp và áp cao.
- Xác định các hướng gió chính theo từng khu vực về mùa đông và ghi vào vở học theo mẫu bảng dưới đây.

Bảng 4.1. Gió mùa châu Á

Hướng gió theo mùa	Hướng gió mùa đông (tháng 1)	Hướng gió mùa hạ (tháng 7)
Khu vực		
Đông Á		
Đông Nam Á		
Nam Á		

2. Phân tích hướng gió về mùa hạ



Hình 4.2. Lược đồ phân bố khí áp và hướng gió chính về mùa hạ (tháng 7) ở khu vực khí hậu gió mùa châu Á

- Dựa vào hình 4.2, em hãy :
- Xác định các trung tâm áp thấp và áp cao.
 - Xác định các hướng gió chính theo từng khu vực về mùa hạ và ghi vào vở học theo mẫu bảng 4.1.

3. Tổng kết

Các em ghi những kiến thức đã biết qua các phân tích ở trên vào vở học theo mẫu bảng dưới đây.

Mùa	Khu vực	Hướng gió chính	Từ áp cao ... đến áp thấp ...
Mùa đông	Đông Á		
	Đông Nam Á		
	Nam Á		
Mùa hạ	Đông Á		
	Đông Nam Á		
	Nam Á		



Bài 5 : ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

Châu Á là một trong những nơi có người cổ sinh sống và là cái nôi của những nền văn minh lâu đời trên Trái Đất. Châu Á còn được biết đến bởi một số đặc điểm nổi bật của dân cư mà ta sẽ tiếp tục tìm hiểu.

1. MỘT CHÂU LỤC ĐÔNG DÂN NHẤT THẾ GIỚI

Bảng 5.1. Dân số các châu lục qua một số năm (triệu người)

Châu	Năm	1950	2000	2002	Tỉ lệ tăng tự nhiên (%) năm 2002
Châu Á		1 402	3 683	3 766 ⁽¹⁾	1,3
Châu Âu		547	729	728 ⁽²⁾	- 0,1
Châu Đại Dương		13	30,4	32	1,0
Châu Mĩ		339	829	850	1,4 ⁽³⁾
Châu Phi		221	784	839	2,4
Toàn thế giới		2 522	6 055,4	6 215	1,3

(1) Chưa tính số dân của LB Nga.

(2) Kể cả số dân của LB Nga thuộc châu Á.

(3) Bắc Mĩ có tỉ lệ tăng tự nhiên là 0,6%.

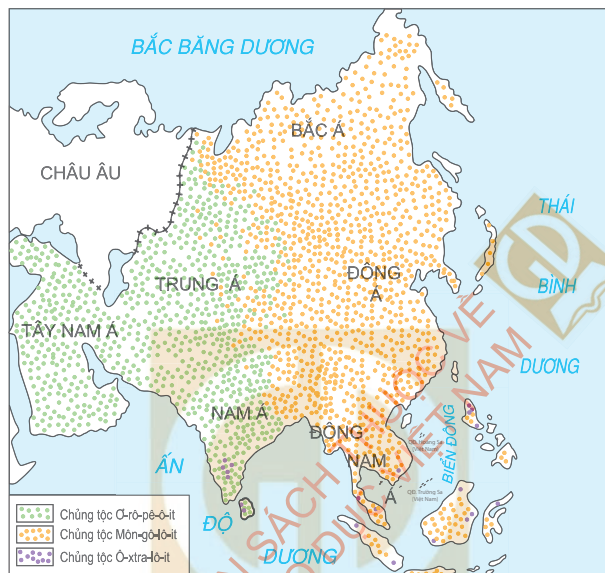
Dựa vào bảng 5.1, em hãy nhận xét số dân và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á so với các châu khác và so với thế giới.

Nhiều nước châu Á như Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan..., đang thực hiện chính sách dân số nhằm hạn chế gia tăng nhanh dân số. Nhờ đó, tỉ lệ gia tăng dân số của châu Á đã giảm đáng kể, ngang với mức trung bình năm của thế giới.

2. DÂN CƯ THUỘC NHIỀU CHUNG TỘC

Quan sát hình 5.1, em hãy cho biết dân cư châu Á thuộc những chủng tộc nào ?
Mỗi chủng tộc sống chủ yếu ở những khu vực nào ?

Dựa vào kiến thức đã học, em hãy so sánh thành phần chủng tộc của châu Á và châu Âu.



Hình 5.1. Lược đồ phân bố các chủng tộc ở châu Á

Các luồng di dân và việc mở rộng giao lưu đã dẫn đến sự hợp huyết giữa người thuộc các chủng tộc, các dân tộc trong mỗi quốc gia. Họ chung sống bên nhau và cùng góp sức xây dựng quê hương đất nước.

3. NƠI RA ĐỜI CỦA CÁC TÔN GIÁO LỚN

Trên thế giới hiện nay có bốn tôn giáo lớn đóng vai trò đáng kể trong lịch sử văn hoá nhân loại. Đó là những tôn giáo xuất hiện từ thời xa xưa ở châu Á. Tại Ấn Độ đã ra đời hai tôn giáo lớn là Ấn Độ giáo và Phật giáo. Ấn Độ giáo ra đời vào thế kỉ đầu của thiên niên kỉ thứ nhất trước Công nguyên, Phật giáo ra đời vào thế kỉ VI trước Công nguyên. Trên vùng Tây Á, Ki-tô giáo được hình thành từ đầu Công nguyên (tại Pa-le-xtin) và Hồi giáo vào thế kỉ VII sau Công nguyên (tại A-rập Xê-ut). Mỗi tôn giáo thờ một hoặc một số vị thần khác nhau. Các tôn giáo đều khuyến răn tín đồ làm việc thiện, tránh điều ác.



Nhà thờ Hồi giáo

Chùa của Phật giáo

Nhà thờ Ki-tô giáo

Hình 5.2. Nơi làm lễ của một số tôn giáo

Dựa vào hình 5.2 và hiểu biết của bản thân, em hãy giới thiệu về nơi hành lễ của một số tôn giáo.

Mặc dù tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm, châu Á vẫn có số dân đông nhất so với các châu lục khác.

Dân cư châu Á chủ yếu thuộc các chủng tộc Môn-gô-lô-it, Ô-rô-pê-ô-it, và một số ít thuộc chủng tộc Ô-xtra-lô-it. Các chủng tộc tuy khác nhau về hình thái nhưng đều có quyền và khả năng như nhau trong mọi hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội.

Châu Á cũng là nơi ra đời của nhiều tôn giáo lớn : Phật giáo, Hồi giáo, Ki-tô giáo, Ấn Độ giáo.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa vào bảng 5.1, em hãy so sánh số dân, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên trong 50 năm qua của châu Á với châu Âu, châu Phi và thế giới.
2. Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây :

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766*

* Chưa tính số dân của LB Nga thuộc châu Á.

3. Trình bày địa điểm và thời điểm ra đời của bốn tôn giáo lớn ở châu Á.

Bài 6 : Thực hành

ĐỌC, PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC THÀNH PHỐ LỚN CỦA CHÂU Á

1. Phân bố dân cư châu Á

Đọc hình 6.1, nhận biết khu vực có mật độ dân số từ thấp đến cao và điền vào bảng theo mẫu sau :

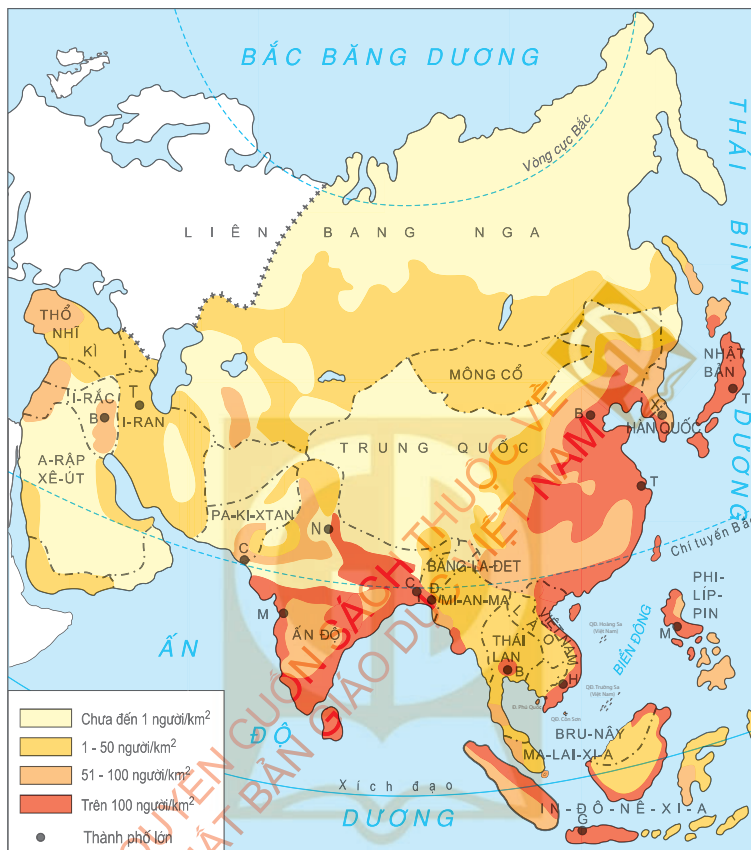
STT	Mật độ dân số trung bình	Nơi phân bố	Ghi chú
1.	Dưới 1 người/km ²	Bắc Liên bang Nga...	
2.	1-50 người/km ²		
3.	51-100 người/km ²		
4.	Trên 100 người/km ²		

- Kết hợp với lược đồ tự nhiên châu Á và kiến thức đã học, giải thích.

2. Các thành phố lớn ở châu Á

Bảng 6.1. Số dân của một số thành phố lớn ở châu Á - năm 2000

Thành phố (Quốc gia)	Số dân (triệu người)	Thành phố (Quốc gia)	Số dân (triệu người)	Thành phố (Quốc gia)	Số dân (triệu người)
1. Tô-ki-ô (Nhật Bản)	27,0	6. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a)	13,2	11. Đắc-ca (Bang-la-dét)	11,2
2. Mum-bai (Ấn Độ)	15,0	7. Bắc Kinh (Trung Quốc)	13,2	12. Ma-ni-la (Phi-líp-pin)	11,1
3. Thượng Hải (Trung Quốc)	15,0	8. Ca-ra-si (Pa-ki-xtan)	12,0	13. Bát-đa (I-rắc)	10,7
4. Tê-hê-ran (I-ran)	13,6	9. Côn-ca-ta (Ấn Độ)	12,0	14. Băng Cốc (Thái Lan)	10,7
5. Niu Đê-li (Ấn Độ)	13,2	10. Xơ-un (Hàn Quốc)	12,0	15. TP. Hố Chí Minh (Việt Nam)	5,2



Hình 6.1. Lược đồ mật độ dân số và những thành phố lớn của châu Á

Làm việc với hình 6.1 và số liệu bảng 6.1 :

- Đọc tên các thành phố lớn ở bảng 6.1 và tìm vị trí của chúng trên hình 6.1 (theo chữ cái đầu của tên thành phố ghi trên lược đồ).
- Xác định vị trí và diện tích của các thành phố trong bảng 6.1 vào lược đồ tự in.
- Cho biết các thành phố lớn của châu Á thường tập trung tại khu vực nào, vì sao lại có sự phân bố đó ?



Bài 7 : ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU Á

Các nước châu Á có quá trình phát triển sớm nhưng trong một thời gian dài việc xây dựng nền kinh tế - xã hội bị chậm lại. Từ cuối thế kỉ XX nền kinh tế của các nước và vùng lãnh thổ châu Á đã có chuyển biến mạnh mẽ nhưng không đồng đều.

1. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC CHÂU Á

a) *Thời Cổ đại và Trung đại*, nhiều dân tộc châu Á đã đạt trình độ phát triển cao của thế giới. Vào thời đó cư dân ở nhiều nước châu Á đã biết khai thác, chế biến khoáng sản, phát triển nghề thủ công, trồng trọt, chăn nuôi và nghề rừng. Họ đã tạo ra nhiều mặt hàng nổi tiếng, được các nước phương Tây ưa chuộng và nhờ đó, thương nghiệp phát triển. Đã có các con đường vận chuyển hàng hoá từ Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á và Tây Nam Á sang các nước châu Âu.

Bảng 7.1. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của châu Á thời Cổ đại, Trung đại

Số TT	Quốc gia, khu vực	Các mặt hàng nổi tiếng
1	Trung Quốc	Đồ sứ, vải, tơ lụa, giấy viết, la bàn, thuốc súng...
2	Ấn Độ	Vải bông, đồ gốm, công cụ sản xuất bằng kim loại, đồ thủy tinh, đồ trang sức vàng bạc...
3	Đông Nam Á	Các gia vị và hương liệu (hồ tiêu, hồi, quế, trầm hương), đồ gốm...
4	Tây Nam Á	Thảm len, đồ trang sức vàng bạc, đồ gốm, thủy tinh, đồ da, vũ khí.

b) Từ thế kỉ XVI và đặc biệt trong thế kỉ XIX, hầu hết các nước châu Á trở thành thuộc địa của các đế quốc Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha... Dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhiều nước trở thành nơi cung cấp nguyên liệu và nơi tiêu thụ hàng hoá cho "mẫu quốc", nhân dân chịu cảnh áp bức khổ cực.

Riêng Nhật Bản, nhờ sớm thực hiện cuộc cải cách Minh Trị vào nửa cuối thế kỉ XIX mở rộng quan hệ với các nước phương Tây, giải phóng đất nước thoát khỏi mọi ràng buộc lỗi thời của chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho nền kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng.

2. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC VÀ LÃNH THỔ CHÂU Á HIỆN NAY

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản thoát khỏi cuộc chiến, các nước thuộc địa dần dần giành độc lập. Nền kinh tế các nước đều bị kiệt quệ, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ. Hầu hết các nước đều thiếu lương thực, thực phẩm, thiếu hàng hoá tiêu dùng, thiếu các công cụ và phương tiện sản xuất...

Trong nửa cuối thế kỉ XX, nền kinh tế các nước và vùng lãnh thổ đã có nhiều chuyển biến.

Bảng 7.2. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội ở một số nước châu Á năm 2001

Quốc gia	Cơ cấu GDP (%)			Tỉ lệ tăng GDP bình quân năm (%)	GDP/người (USD)	Mức thu nhập ⁽¹⁾
	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ			
Nhật Bản	1,5 ⁽²⁾	32,1 ⁽²⁾	66,4 ⁽²⁾	- 0,4	33 400,0	Cao
Cô-oét	-	58,0 ⁽³⁾	41,8 ⁽³⁾	1,7	19 040,0	Cao
Hàn Quốc	4,5	41,4	54,1	3	8 861,0	Trung bình trên
Ma-lai-xi-a	8,5	49,6	41,9	0,4	3 680,0	Trung bình trên
Trung Quốc	15	52,0	33,0	7,3	911,0	Trung bình dưới
Xi-ri	23,8	29,7	46,5	3,5	1 081,0	Trung bình dưới
U-đô-bê-ki-xtan	36	21,4	42,6	4	449,0	Thấp
Lào	53	22,7	24,3	5,7	317,0	Thấp
Việt Nam	23,6	37,8	38,6	6,8	415,0	Thấp

Nguồn : Niên giám thống kê 2002. NXB Thống kê, Hà Nội, 2003.

(1) Theo phân loại của Ngân hàng Thế giới đến 1/2002. (2) số liệu 1996.
(3) số liệu 1999.

Dựa vào bảng 7.2, em hãy cho biết :

- Nước có bình quân GDP đầu người cao nhất so với nước thấp nhất chênh nhau khoảng bao nhiêu lần ?

- Tỷ trọng giá trị nông nghiệp trong cơ cấu GDP của các nước thu nhập cao khác với nước có thu nhập thấp ở chỗ nào ?

Đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các nước và vùng lãnh thổ ở châu Á vào cuối thế kỉ XX, người ta nhận thấy :

- Trình độ phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ rất khác nhau. Có thể phân biệt :

+ Nhật Bản là nước phát triển cao nhất châu Á, đứng hàng thứ hai thế giới, sau Hoa Kỳ và là nước có nền kinh tế - xã hội phát triển toàn diện.

+ Một số nước và vùng lãnh thổ có mức độ công nghiệp hoá khá cao và nhanh như Xin-ga-po, Hàn Quốc, Đài Loan... được gọi là những nước công nghiệp mới.

+ Một số nước đang phát triển có tốc độ công nghiệp hoá nhanh, song nông nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng như Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Thái Lan... Các nước này tập trung phát triển dịch vụ và công nghiệp chế biến để xuất khẩu, nhờ đó tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao.

+ Một số nước đang phát triển, nền kinh tế dựa chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp như Mi-an-ma, Lào, Băng-la-đét, Nê-pan, Cam-pu-chia...

+ Ngoài ra, còn một số nước như Bru-nây, Cô-oét, A-rập Xê-út... nhờ có nguồn dầu khí phong phú được nhiều nước công nghiệp đầu tư khai thác, chế biến, trở thành những nước giàu nhưng trình độ kinh tế - xã hội chưa phát triển cao.

- Một số quốc gia tuy thuộc loại nước nông - công nghiệp nhưng lại có các ngành công nghiệp rất hiện đại như các ngành điện tử, nguyên tử, hàng không vũ trụ... Đó là các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Pa-ki-xtan...

- Hiện nay, ở châu Á số lượng các quốc gia có thu nhập thấp, đời sống nhân dân nghèo khổ... còn chiếm tỉ lệ cao.

Các nước châu Á có quá trình phát triển sớm, song do chế độ phong kiến và thực dân kìm hãm, nền kinh tế rơi vào tình trạng chậm phát triển kéo dài. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế các nước châu Á có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, song sự phát triển giữa các nước và vùng lãnh thổ không đều. Mặt khác, số lượng các quốc gia nghèo khổ còn chiếm tỉ lệ cao.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em hãy cho biết, tại sao Nhật Bản lại trở thành nước phát triển sớm nhất của châu Á.
2. Dựa vào bảng 7.2, em hãy vẽ biểu đồ hình cột để so sánh mức thu nhập bình quân đầu người (GDP/ người) của các nước Cô-oét, Hàn Quốc và Lào.
3. Dựa vào hình 7.1, hãy thống kê tên các nước và vùng lãnh thổ vào các nhóm có thu nhập như nhau và cho biết số nước và vùng lãnh thổ có thu nhập cao tập trung nhiều nhất ở khu vực nào ?



Hình 7.1. Lược đồ phân loại các quốc gia và lãnh thổ châu Á theo mức thu nhập.
 (Nguồn : Theo phân loại của Ngân hàng Thế giới - 2002).



Bài 8 : TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC CHÂU Á

Trong mấy chục năm cuối thế kỉ XX, phần lớn các nước châu Á đã đẩy mạnh phát triển kinh tế, vươn lên theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhìn chung, sự phát triển của các nước không đồng đều, song nhiều nước đã đạt được một số thành tựu to lớn.

1. NÔNG NGHIỆP

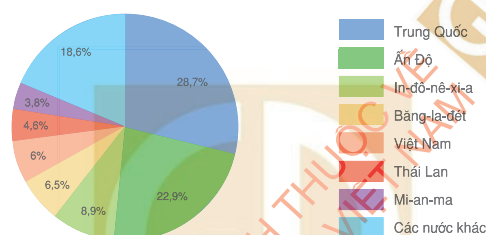


Hình 8.1. Lược đồ phân bố các cây trồng, vật nuôi ở châu Á

Dựa vào hình 8.1, em hãy cho biết :

- Các nước thuộc khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng, vật nuôi nào là chủ yếu ?
- Khu vực Tây Nam Á và các vùng nội địa có những loại cây trồng, vật nuôi nào là phổ biến nhất ?

Ở châu Á, lúa gạo có thể xem là loại cây lương thực quan trọng nhất. Cây lúa thích nghi với điều kiện khí hậu nóng ẩm, được trồng chủ yếu trên các đồng bằng phù sa màu mỡ. Trái lại, cây lúa mì và cây ngô được trồng chủ yếu ở các vùng đất cao và khí hậu khô hơn. Châu Á chiếm gần 93% sản lượng lúa gạo và khoảng 39% sản lượng lúa mì của toàn thế giới (2003).



Hình 8.2. Biểu đồ tỉ lệ sản lượng lúa gạo của một số quốc gia châu Á so với thế giới (%) năm 2003

Dựa vào hình 8.2, em hãy cho biết những nước nào ở châu Á sản xuất nhiều lúa gạo và tỉ lệ so với thế giới là bao nhiêu ?

Trung Quốc và Ấn Độ là hai nước đông dân nhất thế giới, trước đây thường xuyên thiếu hụt lương thực, nay đã đủ và còn thừa để xuất khẩu.

Một số nước như Thái Lan, Việt Nam hiện nay trở thành những nước xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ hai thế giới.



Hình 8.3. Cảnh thu hoạch lúa ở Indonesia

Các vật nuôi của châu Á cũng rất đa dạng. Ở các vùng khí hậu ẩm ướt, vật nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gà, vịt... Ở các vùng khí hậu tương đối khô hạn, vật nuôi chủ yếu là dê, bò, ngựa, cừu... Đặc biệt, Bắc Á thuộc vùng khí hậu lạnh, vật nuôi quan trọng nhất là tuần lộc.

2. CÔNG NGHIỆP

Sản xuất công nghiệp của các nước châu Á rất đa dạng, nhưng phát triển chưa đều.

- Công nghiệp khai khoáng phát triển ở nhiều nước khác nhau, tạo ra nguồn nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất trong nước và nguồn hàng xuất khẩu.

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy cho biết :

+ Những nước nào khai thác than và dầu mỏ nhiều nhất ?

+ Những nước nào sử dụng các sản phẩm khai thác chủ yếu để xuất khẩu ?

Bảng 8.1. Sản lượng khai thác than và dầu mỏ ở một số nước châu Á năm 1998

Quốc gia	Sản lượng than (triệu tấn)		Sản lượng dầu mỏ (triệu tấn)	
	Khai thác	Tiêu dùng	Khai thác	Tiêu dùng
Trung Quốc	1250	1228	161	173,7
Nhật Bản	3,6	132	0,45	214,1
In-đô-nê-xi-a	60,3	14	65,48	45,21
A-rập Xê-út			431,12	92,4
Cô-oét			103,93	43,6
Ấn Độ	297,8	312	32,97	71,5

Nguồn : Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Thống kê, Hà Nội, 2002.

- Công nghiệp luyện kim, cơ khí chế tạo (máy công cụ, phương tiện giao thông vận tải), điện tử... phát triển mạnh ở Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan...

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (may mặc, dệt, chế biến thực phẩm...) phát triển ở hầu hết các nước.

3. DỊCH VỤ

Ngày nay, các hoạt động dịch vụ (giao thông vận tải, thương mại, viễn thông, du lịch...) được các nước rất coi trọng. Nhật Bản, Xin-ga-po, Hàn Quốc là những nước có ngành dịch vụ phát triển cao.

Dựa vào bảng 7.2, em hãy cho biết :

- Tỉ trọng giá trị dịch vụ trong cơ cấu GDP của Nhật Bản, Hàn Quốc là bao nhiêu ?
- Mối quan hệ giữa tỉ trọng giá trị dịch vụ trong cơ cấu GDP với GDP theo đầu người của các nước nói trên như thế nào ?

Ngày nay, tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở các nước châu Á đã có được những thành tựu to lớn.

Về nông nghiệp, sản xuất lương thực ở nhiều nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam đã đạt kết quả vượt bậc.

Về công nghiệp và dịch vụ, Nhật Bản, Xin-ga-po, Hàn Quốc là những nước có trình độ phát triển cao. Đời sống của nhân dân các nước này được nâng cao rõ rệt.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Những thành tựu về nông nghiệp của các nước châu Á được biểu hiện như thế nào ?
2. Dựa vào nguồn tài nguyên nào mà một số nước Tây Nam Á lại trở thành những nước có thu nhập cao ?
3. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy ghi tên các nước và vùng lãnh thổ đã đạt được thành tựu lớn trong phát triển nông nghiệp hoặc công nghiệp vào vở học theo mẫu bảng dưới đây :

Ngành kinh tế	Nhóm nước	Tên các nước và vùng lãnh thổ
Nông nghiệp	- Các nước đông dân sản xuất đủ lương thực - Các nước xuất khẩu nhiều gạo	
Công nghiệp	- Cường quốc công nghiệp - Các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới	



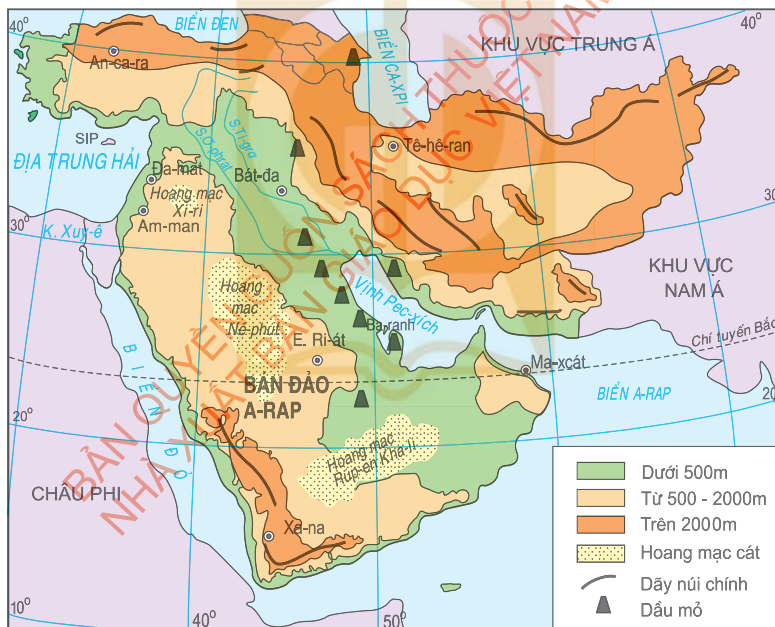
Bài 9 : KHU VỰC TÂY NAM Á

Tây Nam Á nằm ở vị trí ngã ba của ba châu lục Á, Âu, Phi, là khu vực nhiều núi và cao nguyên, có khí hậu khô hạn và có nguồn tài nguyên dầu mỏ rất phong phú. Tây Nam Á là một trong những nơi phát sinh các nền văn minh Cổ đại.

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

Dựa vào hình 9.1, em hãy cho biết khu vực Tây Nam Á :

- Tiếp giáp với các vịnh, biển, các khu vực và châu lục nào.
- Nằm trong khoảng các vĩ độ nào ?



Hình 9.1. Lược đồ tự nhiên Tây Nam Á

2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

Dựa vào hình 9.1, em hãy cho biết các miền địa hình từ đông bắc xuống tây nam của khu vực Tây Nam Á.



Hình 9.2. Khai thác dầu ở I-ran

Tây Nam Á rộng trên 7 triệu km², là một khu vực nhiều núi và cao nguyên.

Phía đông bắc có các dãy núi cao chạy từ bờ Địa Trung Hải nối hệ thống An-pi với hệ thống Hi-ma-lay-a, bao quanh sơn nguyên Thổ Nhĩ Kỳ và sơn nguyên I-ran.

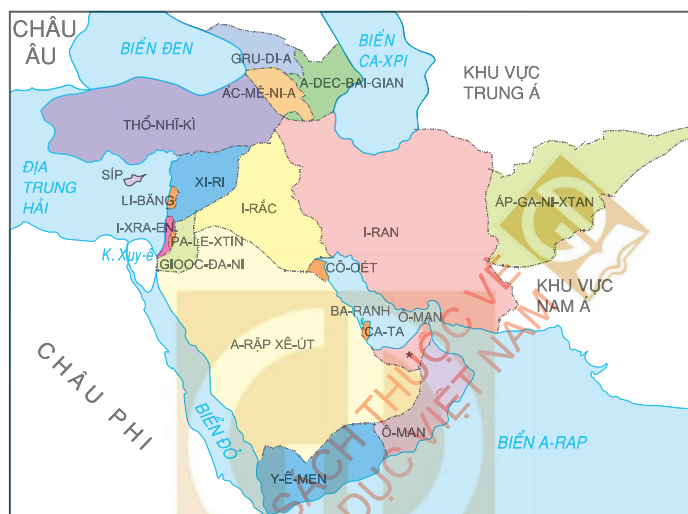
Phía tây nam là sơn nguyên A-rập chiếm gần toàn bộ diện tích của bán đảo A-rập. Ở giữa là đồng bằng Lưỡng Hà được phù sa của hai sông Ti-grơ và O-phrát bồi đắp.

Dựa vào hình 9.1 và hình 2.1, em hãy kể tên các đới và kiểu khí hậu của Tây Nam Á.

Nguồn tài nguyên quan trọng nhất của khu vực là dầu mỏ, trữ lượng rất lớn và phân bố chủ yếu ở đồng bằng Lưỡng Hà, các đồng bằng của bán đảo A-rập và vùng vịnh Péc-xích. Những nước có nhiều dầu mỏ nhất là A-rập Xê-út, I-ran, I-rắc, Cô-oét.

3. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, KINH TẾ, CHÍNH TRỊ

Quan sát hình 9.3, em hãy cho biết khu vực Tây Nam Á bao gồm các quốc gia nào ?
Kể tên quốc gia có diện tích lớn nhất và quốc gia có diện tích nhỏ nhất.



Hình 9.3. Lược đồ các nước khu vực Tây Nam Á
(*) Các tiểu vương quốc A-rập thống nhất

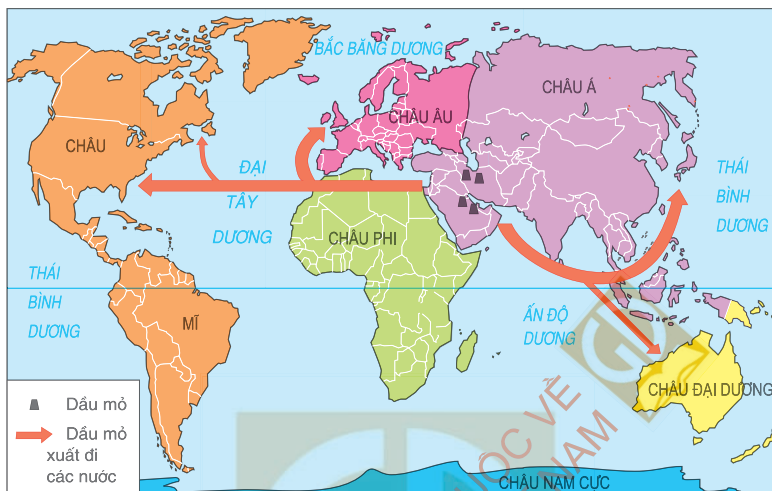
Tây Nam Á có dân số khoảng 286 triệu người, phần lớn là người A-rập và theo đạo Hồi là chủ yếu, sinh sống tập trung ở các vùng ven biển, các thung lũng có mưa, các nơi có thể đào được giếng lấy nước.

Dựa trên các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, Tây Nam Á có thể phát triển các ngành kinh tế nào ? Vì sao lại phát triển các ngành đó ?

Trước đây, đại bộ phận dân cư làm nông nghiệp : trồng lúa mì, chà là, chăn nuôi du mục và dệt thảm.

Ngày nay, công nghiệp và thương mại phát triển, nhất là công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ. Hằng năm các nước khai thác hơn 1 tỉ tấn dầu, chiếm khoảng 1/3 sản lượng dầu thế giới. Dân thành phố ngày càng đông, tỉ lệ dân thành thị cao chiếm khoảng 80 - 90% dân số, nhất là ở I-xra-en, Cô-oét, Li-băng.

Dựa vào hình 9.4, cho biết Tây Nam Á xuất khẩu dầu mỏ đến các khu vực nào ?



Hình 9.4. Lược đồ dầu mỏ xuất từ Tây Nam Á đi các nước trên thế giới

Với nguồn tài nguyên giàu có, lại có vị trí chiến lược quan trọng - nơi qua lại giữa ba châu lục, giữa các vùng biển, đại dương, nên từ thời xa xưa tới nay đây vẫn là nơi đã xảy ra những cuộc tranh chấp gay gắt giữa các bộ tộc, các dân tộc trong và ngoài khu vực.

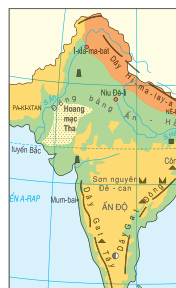
Sự không ổn định về chính trị đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và đời sống của các nước trong khu vực.

Tây Nam Á có vị trí địa lý chiến lược quan trọng, nhiều núi và cao nguyên, khí hậu khô hạn, có tài nguyên dầu mỏ phong phú, là nơi xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất thế giới. Tây Nam Á là một trong những cái nôi của các nền văn minh Cổ đại thế giới.

Hiện nay, tình hình chính trị, kinh tế của khu vực đang diễn ra rất phức tạp.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

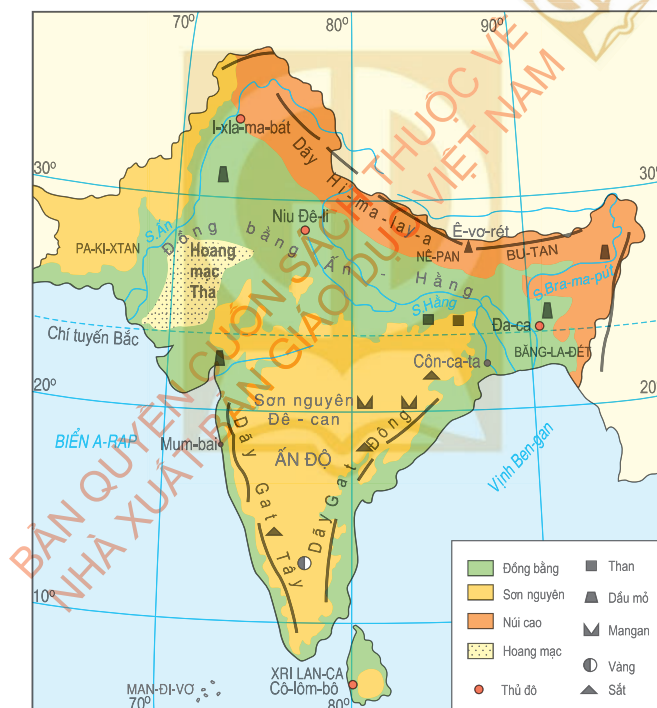
1. Tây Nam Á có đặc điểm vị trí địa lý như thế nào ?
2. Các dạng địa hình chủ yếu của Tây Nam Á phân bố như thế nào ?
3. Nêu những khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.



Bài 10 : ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KHU VỰC NAM Á

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khu vực Nam Á rất phong phú, đa dạng. Ở đây có hệ thống núi Hi-ma-lay-a hùng vĩ, sơn nguyên Đê-can và đồng bằng Ấn - Hằng rộng lớn. Cảnh quan thiên nhiên chủ yếu là rừng nhiệt đới và xavan, thuận lợi cho phát triển kinh tế.

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ ĐỊA HÌNH



Hình 10.1. Lược đồ tự nhiên khu vực Nam Á

Dựa vào hình 10.1, em hãy :

- Nêu đặc điểm vị trí địa lí của khu vực Nam Á.
- Kể các miền địa hình chính từ bắc xuống nam.

Nam Á có ba miền địa hình khác nhau :

Phía bắc là hệ thống núi Hi-ma-lay-a hùng vĩ chạy theo hướng tây bắc - đông nam dài gần 2600 km, bề rộng trung bình từ 320 - 400 km. Đây là ranh giới khí hậu quan trọng giữa hai khu vực Trung Á và Nam Á. Về mùa đông, Hi-ma-lay-a có tác dụng chắn khối không khí lạnh từ Trung Á tràn xuống, làm cho Nam Á ấm hơn miền Bắc Việt Nam là nơi có cùng vĩ độ. Về mùa hạ, gió mùa tây nam từ Ấn Độ Dương thổi tới, gây mưa lớn trên các sườn núi phía nam.

Phía nam là sơn nguyên Đê-can tương đối thấp và bằng phẳng. Hai rìa phía tây và phía đông của sơn nguyên là các dãy Gát Tây và Gát Đông.

Nằm giữa chân núi Hi-ma-lay-a và sơn nguyên Đê-can là đồng bằng Ấn-Hằng rộng và bằng phẳng, chạy từ bờ biển A-rập đến bờ vịnh Bengal dài hơn 3000 km, bề rộng từ 250 km đến 350 km.

2. KHÍ HẬU, SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN TỰ NHIÊN

Quan sát hình 10.2 kết hợp với kiến thức đã học, em hãy cho biết khu vực Nam Á chủ yếu nằm trong đới khí hậu nào ?

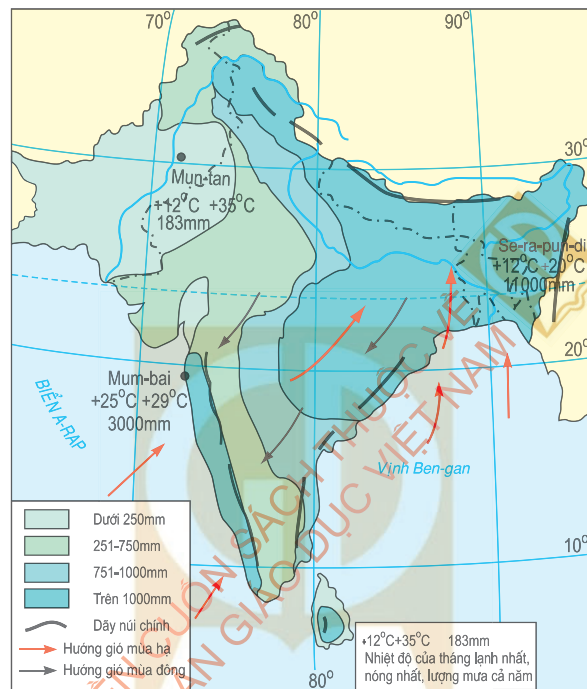
Đại bộ phận Nam Á nằm trong đới khí hậu nhiệt đới gió mùa. Trên các vùng đồng bằng và sơn nguyên thấp, về mùa đông có gió mùa đông bắc với thời tiết lạnh và khô. Mùa hạ từ tháng 4 đến tháng 9, có gió mùa tây nam nóng và ẩm từ Ấn Độ Dương đến mang theo mưa cho khu vực Nam Á. Nhịp điệu hoạt động của gió mùa có ảnh hưởng rất lớn đến nhịp điệu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong khu vực. Trên các vùng núi cao, nhất là Hi-ma-lay-a, điều kiện khí hậu thay đổi theo độ cao và phân hoá rất phức tạp. Trên các sườn phía nam, phần thấp thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, mưa nhiều. Càng lên cao khí hậu càng mát dần. Từ độ cao 4500m trở lên là đới băng tuyết vĩnh cửu. Ở sườn phía bắc có khí hậu lạnh và khô, lượng mưa dưới 100mm. Vùng Tây Bắc Ấn Độ và Pa-ki-xtan thuộc đới khí hậu nhiệt đới khô, lượng mưa hàng năm từ 200 - 500mm.

Địa hình là nhân tố ảnh hưởng rõ rệt đến sự phân hoá khí hậu Nam Á.

Dựa vào hình 10.2, em có nhận xét gì về sự phân bố mưa ở khu vực Nam Á ?

Nam Á có nhiều hệ thống sông lớn như sông Ấn, sông Hằng, sông Bra-ma-pút.

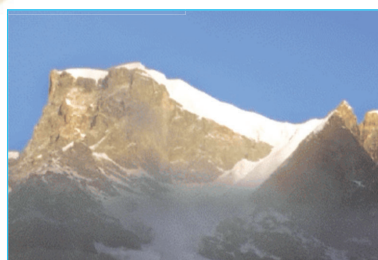
Nam Á có các kiểu cảnh quan : rừng nhiệt đới ẩm, xavan, hoang mạc và cảnh quan núi cao.



Hình 10.2. Lược đồ phân bố mưa ở Nam Á



Hình 10.3. Hoang mạc Tha



Hình 10.4. Núi Hi-ma-lay-a

Nam Á có điều kiện tự nhiên rất phong phú. Có ba miền địa hình chính : phía bắc là dãy Hi-ma-lay-a hùng vĩ, phía nam là sơn nguyên Đê-can, ở giữa là đồng bằng Ấn - Hằng rộng lớn.

Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm và là một trong những khu vực có mưa nhiều nhất thế giới.

Nhịp điệu hoạt động của gió mùa có ảnh hưởng rất lớn đến nhịp điệu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong khu vực.

Nam Á có nhiều sông ngòi lớn và các cảnh quan tự nhiên đa dạng.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Nam Á có mấy miền địa hình ? Nêu rõ đặc điểm của mỗi miền.
2. Giải thích nguyên nhân dẫn đến sự phân bố mưa không đều ở khu vực Nam Á.
3. Hãy cho biết các sông và cảnh quan tự nhiên chính của Nam Á.

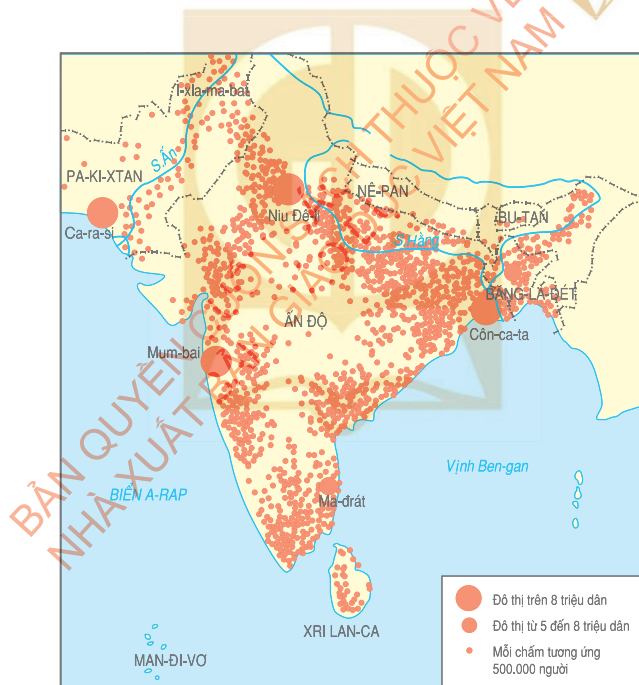


Bài 11 : DÂN CƯ VÀ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ KHU VỰC NAM Á

Khu vực Nam Á có tài nguyên thiên nhiên giàu có, là một trong những cái nôi của nền văn minh Cổ đại thế giới. Hiện nay Nam Á vẫn là khu vực các nước đang phát triển, có dân cư đông bậc nhất thế giới.

1. DÂN CƯ

- Quan sát hình 11.1, em có nhận xét gì về sự phân bố dân cư của Nam Á ?



Hình 11.1. Luộc đồ phân bố dân cư Nam Á



Hình 11.2. Đền Tat Ma-han - một trong những công trình văn hoá nổi tiếng ở Ấn Độ

Bảng 11.1. Diện tích và dân số một số khu vực của châu Á

Khu vực	Diện tích (nghìn km ²)	Dân số năm 2001 (triệu người)
- Đông Á	11762	1503
- Nam Á	4489	1356
- Đông Nam Á	4495	519
- Trung Á	4002	56
- Tây Nam Á	7016	286

Nguồn : Niên giám thống kê 2001 - NXB Thống kê, Hà Nội, 2002.

Dựa vào bảng 11.1, em hãy kể tên hai khu vực đông dân nhất châu Á.

Trong hai khu vực đó, khu vực nào có mật độ dân số cao hơn ?

Dân cư Nam Á chủ yếu theo Ấn Độ giáo, Hồi giáo, ngoài ra còn theo Thiên Chúa giáo, Phật giáo... Tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế - xã hội ở Nam Á.

2. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI

Trước đây, toàn bộ khu vực Nam Á bị đế quốc Anh xâm chiếm làm thuộc địa. Nam Á trở thành nơi cung cấp nguyên liệu, nông sản nhiệt đới và tiêu thụ hàng công nghiệp của các công ti tư bản Anh. Năm 1947, các nước Nam Á đã giành được độc lập và tiến hành xây dựng nền kinh tế tự chủ.

Tuy nhiên, do bị đế quốc Anh đô hộ kéo dài gần 200 năm (1763 - 1947), lại luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc và các tôn giáo, nên tình hình chính trị - xã hội trong khu vực thiếu ổn định. Đó là những trở ngại lớn ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của các nước Nam Á. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Nam Á năm 2000 là 620,3 tỉ USD.



Hình 11.3. Một vùng nông thôn ở Nê-pan



Hình 11.4. Thu hái chè ở Xri Lan-ca

Bảng 11.2. Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ

Các ngành kinh tế	Tỉ trọng trong cơ cấu GDP (%)		
	1995	1999	2001
- Nông - Lâm - Thủy sản	28,4	27,7	25,0
- Công nghiệp-Xây dựng	27,1	26,3	27,0
- Dịch vụ	44,5	46,0	48,0

Nguồn : Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. NXB Thống kê, Hà Nội, 2002.

Qua bảng 11.2, em hãy nhận xét về sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Ấn Độ. Sự chuyển dịch đó phản ánh xu hướng phát triển kinh tế như thế nào ?

Ấn Độ là quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Nam Á.

Từ sau ngày giành được độc lập, Ấn Độ đã xây dựng được một nền công nghiệp hiện đại, bao gồm các ngành công nghiệp năng lượng, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất, vật liệu xây dựng... và các ngành công nghiệp nhẹ, đặc biệt là công nghiệp dệt vốn đã nổi tiếng lâu đời với hai trung tâm chính là Côn-ca-ta và Mum-bai.

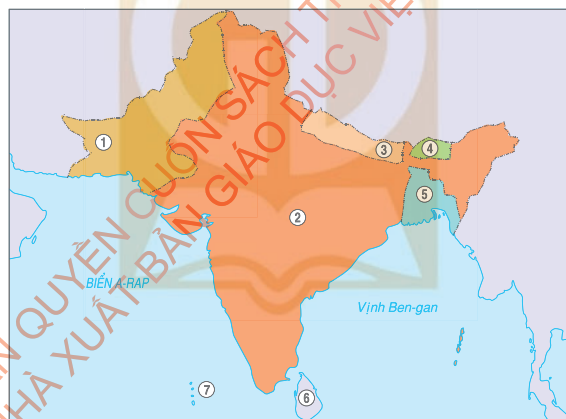
Ấn Độ cũng phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi công nghệ cao, tinh vi, chính xác như điện tử, máy tính v.v...

Ngày nay, về giá trị sản lượng công nghiệp, Ấn Độ đã đứng hàng thứ 10 trên thế giới. Sản xuất nông nghiệp cũng không ngừng phát triển, với cuộc "cách mạng xanh" và "cách mạng trắng", Ấn Độ đã giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Các ngành dịch vụ cũng đang phát triển, chiếm tới 48% GDP. Năm 2001, GDP đạt 477 tỉ USD, có tỉ lệ gia tăng 5,88% và GDP bình quân đầu người là 460 USD.

Nam Á là một trong những khu vực có dân cư tập trung đông nhất châu Á, một trong những cái nôi của nền văn minh Cổ đại và tôn giáo lớn trên thế giới. Các nước trong khu vực có nền kinh tế đang phát triển, hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu, trong đó Ấn Độ là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em hãy ghi vào vở tên các nước trong khu vực Nam Á lần lượt theo số kí hiệu trên hình 11.5.



Hình 11.5. Lược đồ các nước Nam Á

2. Căn cứ vào hình 11.1 em có nhận xét gì về đặc điểm phân bố dân cư của Nam Á.
3. Hãy giải thích tại sao khu vực Nam Á lại có sự phân bố dân cư không đều ?
4. Các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ của Ấn Độ phát triển như thế nào ?



Bài 12 : ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN KHU VỰC ĐÔNG Á

Đông Á là khu vực rộng lớn nằm tiếp giáp với Thái Bình Dương, có điều kiện tự nhiên rất đa dạng. Đây là khu vực được con người khai thác lâu đời nên cảnh quan tự nhiên bị biến đổi rất sâu sắc.

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI KHU VỰC ĐÔNG Á



Hình 12.1. Lược đồ tự nhiên khu vực Đông Á

Dựa vào hình 12.1, em hãy cho biết :

- Khu vực Đông Á bao gồm những quốc gia và vùng lãnh thổ nào ?
- Các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á tiếp giáp với các biển nào ?

Lãnh thổ Đông Á gồm hai bộ phận khác nhau : phần đất liền và phần hải đảo. Phần đất liền bao gồm Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên. Phần hải đảo gồm quần đảo Nhật Bản, đảo Đài Loan và đảo Hải Nam.

2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

a) Địa hình và sông ngòi

Dựa vào hình 12.1, em hãy cho biết phần đất liền của Đông Á có những dãy núi, sơn nguyên, bồn địa và những đồng bằng lớn nào?

- Phần đất liền của Đông Á chiếm tới 83,7% diện tích lãnh thổ. Đây là một bộ phận có điều kiện tự nhiên rất đa dạng.

Ở đây có các hệ thống núi, sơn nguyên cao, hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở nửa phía tây Trung Quốc. Nhiều núi cao có băng hà bao phủ quanh năm, là nơi bắt nguồn của nhiều sông lớn.

Các vùng đồi, núi thấp và các đồng bằng rộng, bằng phẳng, phân bố ở phía đông Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên.

Dựa vào hình 12.1, em hãy nêu tên các sông lớn ở Đông Á và nơi bắt nguồn của chúng.

Phần đất liền của Đông Á có ba con sông lớn là A-mua, Hoàng Hà và Trường Giang. Sông A-mua chảy ở rìa phía bắc khu vực, đoạn trung lưu làm thành ranh giới tự nhiên giữa Trung Quốc và Liên bang Nga. Hoàng Hà và Trường Giang đều bắt nguồn trên sơn nguyên Tây Tạng, chảy về phía đông rồi đổ ra Hoàng Hải và biển Hoa Đông. Ở hạ lưu, các sông bồi đắp thành những đồng bằng rộng, màu mỡ. Nguồn cung cấp nước của hai sông đều do băng tuyết tan và mưa gió mùa vào mùa hạ. Các sông có lũ lớn vào cuối hạ, đầu thu và cạn vào đông xuân. Tuy nhiên Hoàng Hà có chế độ thất thường, trước đây vào mùa hạ hay có lụt lớn gây thiệt hại cho mùa màng và đời sống nhân dân.

- Phần hải đảo nằm trong "vòng đai lửa Thái Bình Dương". Đây là miền núi trẻ thường có động đất và núi lửa hoạt động mạnh gây tai họa lớn cho nhân dân. Ở Nhật Bản, các núi cao phần lớn là núi lửa.

b) Khí hậu và cảnh quan

Dựa vào hình 4.1 và 4.2, em hãy nhắc lại các hướng gió chính ở Đông Á về mùa đông và mùa hạ.

Ở Đông Á, nửa phía đông phần đất liền và phần hải đảo trong một năm có hai mùa gió khác nhau. Mùa đông có gió mùa tây bắc, thời tiết khô và lạnh. Riêng ở Nhật Bản, do gió tây bắc đi qua biển nên vẫn có mưa.



Hình 12.2. Nơi bắt nguồn của Trường Giang (ảnh chụp vào mùa hạ), trên núi có băng hà bao phủ quanh năm

Về mùa hạ có gió mùa đông nam từ biển vào, thời tiết mát, ẩm và mưa nhiều.

Nhờ khí hậu ẩm, nửa phía đông Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên và phần hải đảo có rừng bao phủ. Ngày nay phần lớn rừng đã bị con người khai phá, diện tích rừng còn lại rất ít.

Nửa phía tây phần đất liền (tức Tây Trung Quốc) do vị trí nằm sâu trong nội địa, gió mùa từ biển không xâm nhập vào được, khí hậu quanh năm khô hạn, cảnh quan chủ yếu là thảo nguyên khô, bán hoang mạc và hoang mạc.



Hình 12.3. Phú Sĩ - ngọn núi lửa cao nhất ở Nhật Bản (3776m)

Khu vực Đông Á gồm hai bộ phận : đất liền và hải đảo.

Nửa phía tây phần đất liền có nhiều núi, sơn nguyên cao, hiểm trở và các bồn địa rộng có khí hậu và cảnh quan thuộc miền khô hạn.

Nửa phía đông phần đất liền là vùng đồng, núi thấp xen các đồng bằng rộng. Phần hải đảo là vùng núi trẻ. Cả hai vùng này thuộc khí hậu gió mùa ẩm với cảnh quan rừng là chủ yếu.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em hãy nêu những điểm khác nhau về địa hình giữa phần đất liền và phần hải đảo của khu vực Đông Á.
2. Hãy nêu những điểm giống và khác nhau của hai sông Hoàng Hà và Trường Giang.
3. Hãy phân biệt sự khác nhau về khí hậu giữa các phần của khu vực Đông Á. Điều kiện khí hậu đó có ảnh hưởng đến cảnh quan như thế nào ?

BÀI ĐỌC THÊM

ĐỘNG ĐẤT VÀ NÚI LỬA Ở NHẬT BẢN

Ở Nhật Bản, hoạt động núi lửa và động đất xảy ra thường xuyên. Theo các thống kê, trên lãnh thổ Nhật Bản có tới 100 ngọn núi lửa, nhưng nay còn khoảng 40 ngọn đang hoạt động. Núi Phú Sĩ cao 3 776m là ngọn núi lửa đã tắt. Đây là ngọn núi cao, hùng vĩ và là hình ảnh đẹp tượng trưng cho đất nước của xứ sở "Mặt Trời". Những trận động đất mạnh thường gây nhiều tai họa lớn. Trận động đất năm 1923 ở Tô-ki-ô đã làm gần 10 vạn người chết và mất tích. Trận động đất gần đây vào ngày 17-1-1995 ở thành phố cảng Cô-bê đã làm hơn 5 200 người chết, mất tích và hơn hai vạn người bị thương.



Bài 13 : TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC ĐÔNG Á

Đông Á là khu vực đông dân nhất châu Á, đồng thời là khu vực phát triển nhanh, nơi có nhiều nền kinh tế mạnh của thế giới. Trong tương lai sự phát triển kinh tế của các nước Đông Á còn nhiều hứa hẹn.

1. KHÁI QUÁT VỀ DÂN CƯ VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á

Đông Á là khu vực có dân số rất đông, nhiều hơn dân số của các châu lục lớn như châu Phi, châu Âu, châu Mi. Các quốc gia và lãnh thổ của Đông Á có nền văn hoá rất gần gũi với nhau.

Bảng 13.1. Dân số các nước và vùng lãnh thổ Đông Á năm 2002 (triệu người)

Trung Quốc	Nhật Bản	CHDCND Triều Tiên	Hàn Quốc	Đài Loan
1288,0	127,4	23,2	48,4	22,5

Nguồn : Niên giám thống kê 2002, NXB Thống kê, Hà Nội, 2003.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế các nước Đông Á đều kiệt quệ, đời sống nhân dân rất cực khổ. Ngày nay nền kinh tế các nước và vùng lãnh thổ Đông Á có đặc điểm :

- Phát triển nhanh và duy trì tốc độ tăng trưởng cao.
- Quá trình phát triển đi từ sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đến sản xuất để xuất khẩu. Biểu hiện điển hình là sự phát triển của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

Bảng 13.2. Xuất, nhập khẩu của một số quốc gia Đông Á năm 2001 (tỉ USD)

	Quốc gia	Nhật Bản	Trung Quốc	Hàn Quốc
Tiêu chí				
Xuất khẩu		403,50	266,620	150,44
Nhập khẩu		349,09	243,520	141,10

Nguồn : Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, NXB Thống kê, Hà Nội, 2002.

Dựa vào bảng 13.2, em hãy cho biết tình hình xuất, nhập khẩu của một số nước Đông Á. Nước nào có giá trị xuất khẩu vượt giá trị nhập khẩu cao nhất trong số ba nước đó ?

2. ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG Á

a) Nhật Bản

Từ sau năm 1945, Nhật Bản tập trung khôi phục và phát triển kinh tế. Ngày nay, Nhật Bản là cường quốc kinh tế thứ hai trên thế giới, sau Hoa Kỳ.

Trong quá trình phát triển, Nhật Bản đã tổ chức lại nền kinh tế, phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn phục vụ xuất khẩu.

Các ngành công nghiệp hàng đầu thế giới của Nhật Bản :

- Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển.
- Công nghiệp điện tử : chế tạo các thiết bị điện tử, máy tính điện tử, người máy công nghiệp.
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng : đồng hồ, máy ảnh, xe máy, máy giặt, máy lạnh...

Các sản phẩm công nghiệp nổi trên được khách hàng ưa chuộng và có bán rộng rãi trên thế giới.

Nhờ những thành tựu trong sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ... thu nhập của người Nhật Bản rất cao. Bình quân GDP đầu người của Nhật Bản năm 2001 đạt 33 400 USD. Chất lượng cuộc sống cao và ổn định.



Hình 13.1. Thành phố cảng I-ô-cô-ha-ma - trung tâm công nghiệp và hải cảng lớn

b) Trung Quốc

Trung Quốc là nước đông dân nhất thế giới. Nhờ đường lối chính sách cải cách và mở cửa, phát huy được nguồn lao động dồi dào, nguồn tài nguyên phong phú nên trong vòng 20 năm trở lại đây nền kinh tế Trung Quốc đã có những thay đổi lớn lao.

Bảng 13.3. Sản lượng một số sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp của Trung Quốc năm 2001

	Lương thực	Than	Dầu mỏ	Thép
Sản lượng (triệu tấn)	385,5	1110	165	152,6

Nguồn : Niên giám thống kê 2002. NXB Thống kê, Hà Nội, 2003

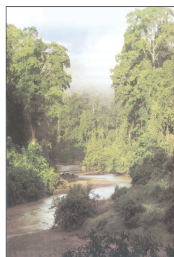
Thành tựu quan trọng nhất của nền kinh tế Trung Quốc trong mấy chục năm qua là :

- Nền nông nghiệp phát triển nhanh và tương đối toàn diện, nhờ đó giải quyết tốt vấn đề lương thực cho gần 1,3 tỉ người.
- Phát triển nhanh chóng một nền công nghiệp hoàn chỉnh, trong đó có một số ngành công nghiệp hiện đại như điện tử, cơ khí chính xác, nguyên tử, hàng không vũ trụ.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định (từ 1995 - 2001 tốc độ tăng hàng năm trên 7%), sản lượng của nhiều ngành như lương thực, than, điện năng đứng hàng đầu thế giới.

Đông Á là khu vực có dân số rất đông. Hiện nay các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực có sự phát triển nhanh và một số trở thành các nền kinh tế mạnh của thế giới. Nhật Bản là nước công nghiệp phát triển cao, Hàn Quốc, Đài Loan là nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới. Trung Quốc có nền kinh tế phát triển nhanh và đầy tiềm năng.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Em hãy nêu tên các nước, vùng lãnh thổ thuộc Đông Á và vai trò của các nước, vùng lãnh thổ đó trong sự phát triển hiện nay trên thế giới.
2. Dựa vào bảng 13.1 và 5.1 em hãy tính số dân Đông Á năm 2002, tỉ lệ dân số Trung Quốc so với dân số châu Á và dân số khu vực Đông Á.
3. Em hãy nêu những ngành sản xuất công nghiệp của Nhật Bản đứng hàng đầu thế giới.



Bài 14 : ĐÔNG NAM Á - ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO

Khu vực Đông Nam Á có diện tích đất đai tuy chỉ chiếm khoảng 4,5 triệu km², nhưng lại có cả không gian gồm đất liền và hải đảo rất rộng lớn. Vậy đặc điểm tự nhiên của khu vực này như thế nào ?

1. VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

- Quan sát hình 1.2 và hình 14.1, em hãy xác định vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á.

Phần đất liền của Đông Nam Á mang tên bán đảo Trung Ấn vì nằm giữa hai nước Trung Quốc và Ấn Độ. Phần hải đảo có tên chung là quần đảo Mã Lai với trên một vạn đảo lớn nhỏ. Ca-li-man-tan là đảo lớn nhất trong khu vực và lớn thứ ba trên thế giới. Xu-ma-to-ra, Gia-va, Xu-la-vê-nê, Lu-xôn cũng là những đảo lớn. Ngoài ra còn nhiều biển xen kẽ các đảo.

Quan sát hình 15.1, cho biết :

- Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của khu vực thuộc nước nào ở Đông Nam Á ?
- Đông Nam Á là "cầu nối" giữa hai đại dương và hai châu lục nào ?

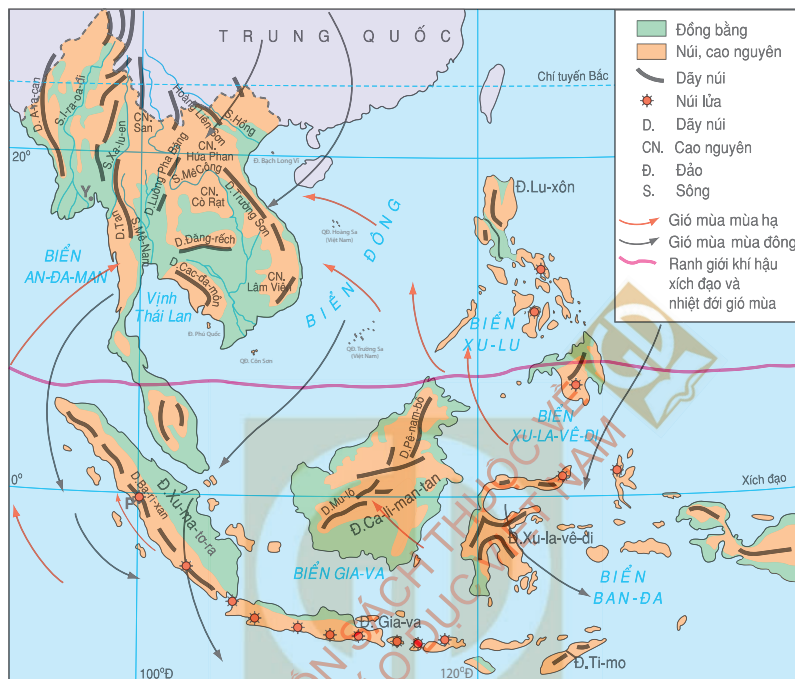
Vị trí cầu nối của khu vực ngày càng trở nên quan trọng hơn khi các nước trong vùng châu Á - Thái Bình Dương phát triển mạnh mẽ và có nhiều nước trên thế giới đến khu vực để đầu tư phát triển sản xuất và trao đổi hàng hoá.

2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

a) Địa hình

Dựa vào hình 14.1 nhận xét sự phân bố các núi, cao nguyên và đồng bằng ở phần đất liền và đảo của khu vực Đông Nam Á.

Các dải núi của bán đảo Trung Ấn là những dải núi nối tiếp dãy Hi-ma-lay-a chạy dài theo hướng bắc - nam và tây bắc - đông nam, bao quanh những khối cao nguyên thấp. Các thung lũng sông cắt xẻ sâu làm cho địa hình của khu vực bị chia cắt mạnh. Đồng bằng phù sa tập trung ở ven biển và hạ lưu các sông.



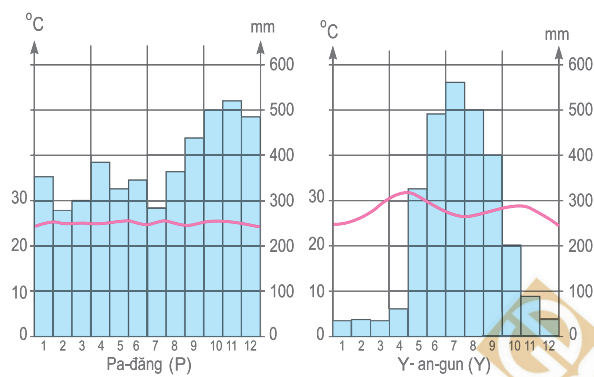
Hình 14.1. Lược đồ địa hình và hướng gió ở Đông Nam Á

Phần hải đảo là nơi thường xảy ra động đất, núi lửa do nằm trong khu vực không ổn định của vỏ Trái Đất. Vùng đất liền và thềm lục địa của khu vực chứa nhiều tài nguyên quan trọng như quặng thiếc, kẽm, đồng, than đá, khí đốt, dầu mỏ...

b) Khí hậu, sông ngòi và cảnh quan

- Quan sát hình 14.1, nêu các hướng gió ở Đông Nam Á vào mùa hạ và mùa đông.

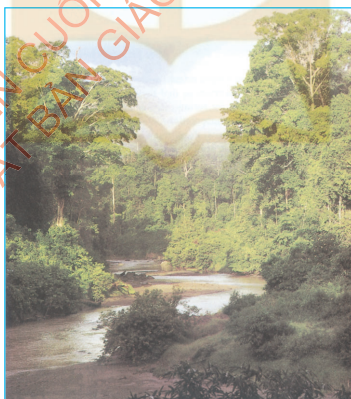
Gió mùa mưa của khu vực Đông Nam Á xuất phát từ vùng áp cao của nửa cầu Nam thổi theo hướng đông nam, vượt qua Xích đạo và đổi hướng thành gió tây nam nóng, ẩm mang lại nhiều mưa cho khu vực. Gió mùa mùa đông xuất phát từ vùng áp cao Xi-bia thổi về vùng áp thấp Xích đạo, với đặc tính khô và lạnh. Nhờ có gió mùa nên khí hậu Đông Nam Á không bị khô hạn như những vùng cùng vĩ độ ở châu Phi và Tây Nam Á. Song khu vực này lại bị ảnh hưởng của các cơn bão nhiệt đới hình thành từ các áp thấp trên biển, thường gây nhiều thiệt hại về người và của.



Hình 14.2. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

- Nhận xét biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của hai địa điểm tại hình 14.2, cho biết chúng thuộc đới, kiểu khí hậu nào? Tìm vị trí các địa điểm đó trên hình 14.1.

Xác định vị trí năm sông lớn trên hình 14.1: nơi bắt nguồn; hướng chảy của sông; các biển, vịnh nơi nước sông đổ vào.



Hình 14.3. Rừng rậm thường xanh

Các sông ở đảo thường ngắn và có chế độ nước điều hoà.

Các đồng bằng châu thổ có đất phù sa màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho việc trồng lúa nước, do đó dân cư tập trung đông đúc, làng mạc trù phú.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa tạo điều kiện cho rừng nhiệt đới ẩm thường xanh phát triển trên phần lớn diện tích của Đông Nam Á. Chỉ có một số nơi trên bán đảo Trung Ấn lượng mưa dưới 1000mm/năm, có rừng rụng lá theo mùa, rừng thưa và xa van cây bụi.

Đông Nam Á gồm phần đất liền và phần đảo nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa.

Các đồng bằng châu thổ màu mỡ chỉ chiếm một phần nhỏ diện tích khu vực nhưng lại là nơi dân cư đông đúc.

Cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm thường xanh là nét đặc trưng của thiên nhiên Đông Nam Á.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Quan sát hình 14.1, trình bày đặc điểm địa hình Đông Nam Á và ý nghĩa của các đồng bằng châu thổ thuộc khu vực này.
2. Nêu đặc điểm gió mùa mùa hạ, mùa đông. Vì sao chúng lại có đặc điểm khác nhau như vậy ?
3. Quan sát hình 14.1 và hình 15.1, cho biết tên các quốc gia có sông Mê Công chảy qua. Cửa sông thuộc địa phận nước nào, đổ vào biển nào ? Vì sao chế độ nước sông Mê Công thay đổi theo mùa ?
4. Vì sao cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm chiếm diện tích lớn ở Đông Nam Á ?



Bài 15 : ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á

Đông Nam Á là cầu nối giữa hai châu lục, hai đại dương với các đường giao thông ngang, dọc trên biển và nằm giữa hai quốc gia có nền văn minh lâu đời. Vị trí đó đã ảnh hưởng tới đặc điểm dân cư, xã hội của các nước trong khu vực.

1. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ

Bảng 15.1. Dân số Đông Nam Á, châu Á và thế giới năm 2002

Lãnh thổ	Số dân (triệu người)	Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	Tỉ lệ tăng tự nhiên (%)
Đông Nam Á	536	119	1,5
Châu Á	3766*	85	1,3
Thế giới	6215	46	1,3

* Chưa tính số dân của LB Nga thuộc châu Á.

Nguồn : Niên giám thống kê năm 2002 - NXB Thống kê. Hà Nội, 2003.

- Qua số liệu bảng 15.1, so sánh số dân, mật độ dân số trung bình, tỉ lệ tăng dân số hàng năm của khu vực Đông Nam Á so với châu Á và thế giới.

- Dựa vào hình 15.1 và bảng 15.2, hãy cho biết :

- + Đông Nam Á có bao nhiêu nước ? Kể tên các nước và thủ đô từng nước.
- + So sánh diện tích, dân số của nước ta với các nước trong khu vực.
- + Có những ngôn ngữ nào được dùng phổ biến trong các quốc gia Đông Nam Á. Điều này có ảnh hưởng gì tới việc giao lưu giữa các nước trong khu vực ?

- Quan sát hình 6.1, nhận xét sự phân bố dân cư các nước Đông Nam Á.

Đông Nam Á có nhiều dân tộc thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it và Ô-xtra-lô-it cùng chung sống. Dân cư đông đúc, dân số trẻ chiếm số đông nên Đông Nam Á vừa là nơi có nguồn lao động dồi dào vừa là một thị trường tiêu thụ lớn. Đó là những yếu tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.



Hình 15.1. Lược đồ các nước Đông Nam Á

Bảng 15.2. Một số số liệu của các nước Đông Nam Á năm 2002

Liên bang MI-AN-MA	Vương quốc CAM-PU-CHIA	Cộng hoà DCND LÀO	CHXHCN VIỆT NAM	Cộng hoà PHI-LIP-PIN	
DT: 677,0 nghìn km ² DS: 49 triệu người Gia tăng DS: 1,3% Ngôn ngữ phổ biến: Miến Thủ đô: Nây-pi-tơ	DT: 181 nghìn km ² DS: 12,3 triệu người Gia tăng DS: 1,7% Ngôn ngữ phổ biến: Khơ me Thủ đô: Phnôm Pênh	DT: 236,8 nghìn km ² DS: 5,5 triệu người Gia tăng DS: 2,3% Ngôn ngữ phổ biến: Lào, Thái, Mông Thủ đô: Viêng Chăn	DT: 331,212 nghìn km ² DS: 78,7 triệu người Gia tăng DS: 1,3% Ngôn ngữ phổ biến: Việt Thủ đô: Hà Nội	DT: 300 nghìn km ² DS: 80 triệu người Gia tăng DS: 2,3% Ngôn ngữ phổ biến: Phi-lip-pin, Anh Thủ đô: Ma-ni-la	
Vương quốc BRU-NÂY	Cộng hoà IN-ĐO-NÊ-XI-A	Cộng hoà XIN-GA-PO	Liên bang MA-LAI-XI-A	Vương quốc THÁI LAN	ĐÔNG TI-MO
DT: 5,8 nghìn km ² DS: 0,4 triệu người Gia tăng DS: 2,0% Ngôn ngữ phổ biến: Mã lai, Anh, Hoa Thủ đô: Ban-đa Xê-rí Bê-ga-oan	DT: 1919 nghìn km ² DS: 217 triệu người Gia tăng DS: 1,6% Ngôn ngữ phổ biến: Mã lai, Anh, Thủ đô: Gia-cac-ta	DT: 0,7 nghìn km ² DS: 4,2 triệu người Gia tăng DS: 0,8% Ngôn ngữ phổ biến: Mã lai, Anh, Hoa Thủ đô: Xín-ga-po	DT: 330 nghìn km ² DS: 24,4 triệu người Gia tăng DS: 1,9% Ngôn ngữ phổ biến: Mã lai, Hoa Thủ đô: Cua-la Lăm-pơ	DT: 513,0 nghìn km ² DS: 62,6 triệu người Gia tăng DS: 0,8% Ngôn ngữ phổ biến: Thái, Hoa Thủ đô: Băng Cốc	DT: 14,6 nghìn km ² DS: 0,8 triệu người Gia tăng DS: 1,5% Thủ đô: Đê-li

2. ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI

Đông Nam Á có các biển, vịnh biển ăn sâu vào đất liền, tạo điều kiện cho các luồng di dân giữa đất liền và các đảo, cho sự giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, các dân tộc. Người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng trong sinh hoạt, sản xuất như cùng trồng lúa nước, dùng trâu bò làm sức kéo, dùng gạo làm nguồn lương thực chính... Tuy vậy mỗi nước vẫn có những phong tục, tập quán, tín ngưỡng riêng tạo nên sự đa dạng trong văn hoá của cả khu vực. Ví dụ sự đa dạng về tín ngưỡng : đa số người Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a theo đạo Hồi ; người Mi-an-ma, Thái Lan, Cam-pu-chia và Lào theo đạo Phật ; ở Phi-líp-pin, đạo Ki-tô và đạo Hồi có số người theo đông nhất. Ở Việt Nam cùng với đạo Phật, đạo Ki-tô, người dân còn có các tín ngưỡng địa phương.

Vì sao lại có những nét tương đồng trong sinh hoạt, sản xuất của người dân các nước Đông Nam Á ?

Vị trí cầu nối và nguồn tài nguyên giàu có của Đông Nam Á đã thu hút sự chú ý của các nước đế quốc. Cho tới trước Chiến tranh thế giới thứ hai, ba nước Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam bị đế quốc Pháp xâm chiếm ; Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a trở thành thuộc địa của Anh ; In-đô-nê-xi-a là thuộc địa của Hà Lan ; Phi-líp-pin bị Tây Ban Nha và sau đó là Hoa Kỳ chiếm đóng.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á bị phát xít Nhật xâm chiếm. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đã lần lượt giành được độc lập. Hiện nay đa số các quốc gia trong khu vực theo chế độ cộng hoà, bên cạnh đó là một số quốc gia theo chính thể quân chủ lập hiến. Các nước trong khu vực đều mong muốn hợp tác phát triển.

Các nước Đông Nam Á có những nét tương đồng trong nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc, trong lịch sử đấu tranh giành độc lập và đang cùng nhau xây dựng mối quan hệ hợp tác toàn diện, cùng nhau phát triển đất nước và khu vực.

Đông Nam Á là khu vực đông dân, dân số tăng khá nhanh. Dân cư tập trung đông đúc tại các đồng bằng và vùng ven biển.

Các nước trong khu vực vừa có những nét tương đồng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, trong phong tục tập quán, sản xuất và sinh hoạt vừa có sự đa dạng trong văn hoá từng dân tộc. Đó là những điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác toàn diện giữa các nước.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Dựa vào lược đồ hình 6.1 và kiến thức đã học, nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư của khu vực Đông Nam Á.
2. Đọc các thông tin trong bảng 15.2, hãy thống kê các nước Đông Nam Á theo diện tích từ nhỏ đến lớn, theo dân số từ ít đến nhiều. Việt Nam đứng ở vị trí nào ?
3. Đặc điểm dân số, phân bố dân cư, sự tương đồng và đa dạng trong xã hội của các nước Đông Nam Á tạo thuận lợi và khó khăn gì cho sự hợp tác giữa các nước ?



Bài 16 : ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Hơn 30 năm qua các nước Đông Nam Á đã có những nỗ lực lớn để thoát khỏi nền kinh tế lạc hậu. Ngày nay Đông Nam Á được thế giới biết đến như một khu vực có những thay đổi đáng kể trong kinh tế - xã hội.

1. NỀN KINH TẾ CỦA CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NHANH, SONG CHƯA VỮNG CHẮC

Nửa đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa, nền kinh tế lạc hậu và tập trung vào việc sản xuất lương thực. Ngoài ra các nước còn phải trồng các loại cây hương liệu, cây công nghiệp và phát triển công nghiệp khai khoáng để cung cấp nguyên liệu cho các nước đế quốc.

Ngày nay, việc sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu vẫn chiếm vị trí đáng kể trong kinh tế của nhiều nước Đông Nam Á. Do có nguồn nhân công dồi dào, tài nguyên thiên nhiên và nguồn nông phẩm nhiệt đới phong phú, lại tranh thủ được vốn và công nghệ của nước ngoài, các nước Đông Nam Á có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

Bảng 16.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế của một số nước Đông Nam Á
(% GDP tăng so với năm trước)

Nước	1990	1994	1996	1998	2000
In-đô-nê-xi-a	9,0	7,5	7,8	- 13,2	4,8
Ma-lai-xi-a	9,0	9,2	10,0	- 7,4	8,3
Phi-líp-pin	3,0	4,4	5,8	- 0,6	4,0
Thái Lan	11,2	9,0	5,9	- 10,8	4,4
Việt Nam	5,1	8,8	9,3	5,8	6,7
Xin-ga-po	8,9	11,4	7,6	0,1	9,9

Nguồn : Niên giám thống kê năm 2002 - NXB Thống kê. Hà Nội, 2003.

Dựa vào bảng 16.1, hãy cho biết tình hình tăng trưởng kinh tế của các nước trong giai đoạn 1990 - 1996 ; 1998 - 2000 và so sánh với mức tăng trưởng bình quân của thế giới (Mức tăng GDP bình quân của thế giới trong thập niên 90 là 3% năm).

Những năm 1997 - 1998 do khủng hoảng tài chính bắt đầu từ Thái Lan, sau đó lan ra các nước trong khu vực và kéo theo sự suy giảm kinh tế của nhiều nước, mức tăng trưởng giảm, sản xuất bị đình trệ, nhiều nhà máy phải đóng cửa, công nhân thất nghiệp.

Việc bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức trong quá trình phát triển kinh tế của nhiều nước đã làm cho cảnh quan thiên nhiên bị phá hoại, đe dọa sự phát triển bền vững của khu vực. Nhiều cánh rừng bị khai thác kiệt quệ ; nguồn nước, không khí bị ô nhiễm nặng bởi các chất phế thải, đặc biệt là ở các trung tâm công nghiệp.

2. CƠ CẤU KINH TẾ ĐANG CÓ NHỮNG THAY ĐỔI

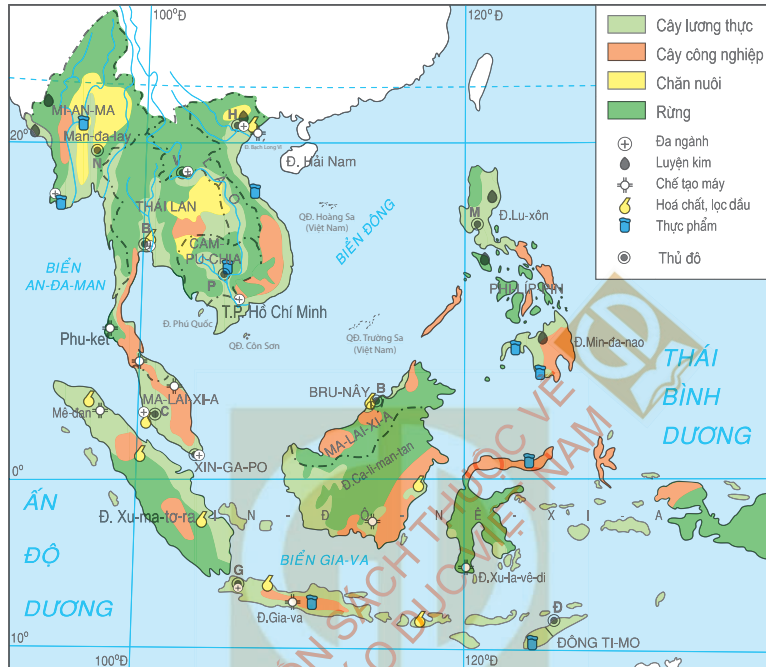
Hiện nay đa số các nước trong khu vực đang tiến hành công nghiệp hoá bằng cách phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng hoá phục vụ thị trường trong nước và để xuất khẩu. Gần đây một số nước đã sản xuất được các mặt hàng công nghiệp chính xác, cao cấp.

Dựa vào bảng 16.2, cho biết tỉ trọng của các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của từng quốc gia tăng giảm như thế nào ?

Bảng 16.2. Tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của một số nước Đông Nam Á (%)

Quốc gia	Nông nghiệp		Công nghiệp		Dịch vụ	
	1980	2000	1980	2000	1980	2000
Cam-pu-chia	55,6*	37,1	11,2*	20,5	33,2*	42,4
Lào	61,2*	52,9	14,5*	22,8	24,3*	24,3
Phi-líp-pin	25,1	16,0	38,8	31,1	36,1	52,9
Thái Lan	23,2	10,5	28,7	40,0	48,1	49,5

* Số liệu năm 1990. (Nguồn : Niên giám thống kê 2000, 2002. NXB Thống kê, Hà Nội, 2001, 2003).



Hình 16.1. Lược đồ phân bố nông nghiệp - công nghiệp của Đông Nam Á

Dựa vào hình 16.1 và kiến thức đã học, em hãy :

- Nhận xét sự phân bố của cây lương thực, cây công nghiệp.
- Nhận xét sự phân bố của các ngành công nghiệp luyện kim, chế tạo máy, hoá chất, thực phẩm.

Trong thời gian qua Đông Nam Á đã có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao song chưa vững chắc.

Cơ cấu kinh tế của các nước Đông Nam Á đang thay đổi, phản ánh quá trình công nghiệp hoá của các nước.

Các ngành sản xuất tập trung chủ yếu tại các vùng đồng bằng và ven biển.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Vì sao các nước Đông Nam Á tiến hành công nghiệp hoá nhưng kinh tế phát triển chưa vững chắc ?

2. Dựa vào bảng 16.3, hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện sản lượng lúa, cà phê của khu vực Đông Nam Á và của châu Á so với thế giới. Vì sao khu vực này có thể sản xuất được nhiều những nông sản đó ?

Bảng 16.3. Sản lượng một số vật nuôi, cây trồng năm 2000

Lĩnh thổ	Lúa (triệu tấn)	Mía (triệu tấn)	Cà phê (nghìn tấn)	Lợn (triệu con)	Trâu (triệu con)
Đông Nam Á	157	129	1 400	57	15
Châu Á	427	547	1 800	536	160
Thế giới	599	1 278	7 300	908	165

3. Quan sát hình 16.1, cho biết khu vực Đông Nam Á có các ngành công nghiệp chủ yếu nào ? Phân bố ở đâu ?

BẢN QUYỀN CUỐN SÁCH THUỘC
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

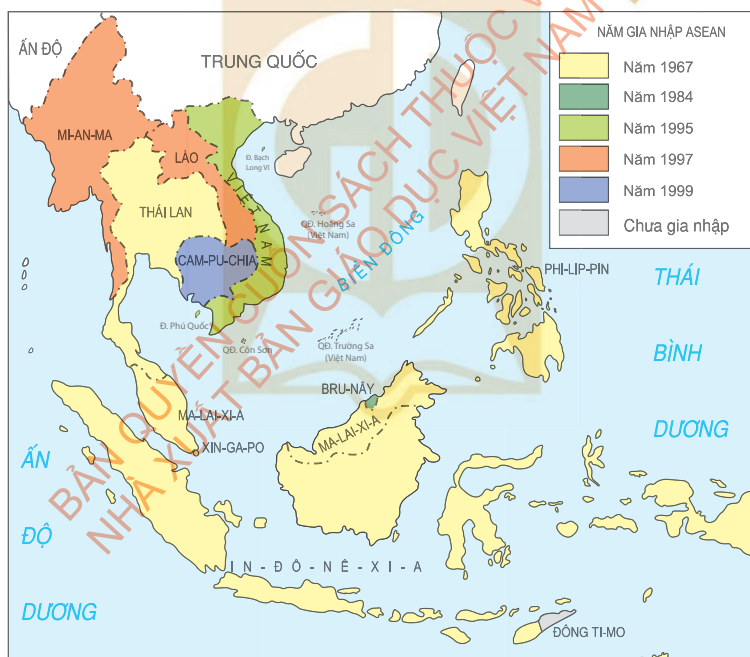


Bài 17 : HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Hiệp hội các nước Đông Nam Á được thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1967. Việc thành lập ASEAN đã tạo điều kiện và thúc đẩy nền kinh tế của các nước trong khu vực phát triển.

1. HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Quan sát hình 17.1, cho biết 5 nước đầu tiên tham gia vào Hiệp hội các nước Đông Nam Á, những nước nào tham gia sau Việt Nam.



Hình 17.1. Lược đồ các nước thành viên ASEAN

Trong 25 năm đầu, Hiệp hội được tổ chức như một khối hợp tác về quân sự. Từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX với mục tiêu chung là giữ vững hoà bình, an ninh, ổn định khu vực, các nước còn lại lần lượt gia nhập Hiệp hội để xây dựng một cộng đồng hoà hợp, cùng nhau phát triển kinh tế - xã hội. Các nước hợp tác với nhau trên nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng chủ quyền của mỗi quốc gia thành viên và ngày càng hợp tác toàn diện hơn, cùng khẳng định vị trí của mình trên trường quốc tế.

2. HỢP TÁC ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Em hãy cho biết các nước Đông Nam Á có những điều kiện thuận lợi gì để hợp tác phát triển kinh tế ?

Vị trí địa lí giữa các nước trong khu vực cũng tạo thuận lợi cho các nước hợp tác với nhau. Ba nước Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và In-đô-nê-xi-a đã lập tam giác tăng trưởng kinh tế XI-GIÔ-RI từ năm 1989. Sau hơn 10 năm, tại vùng kém phát triển của Ma-lai-xi-a (tỉnh Giô-ho) và In-đô-nê-xi-a (quần đảo Ri-au) đã xuất hiện các khu công nghiệp lớn. Còn Xin-ga-po phát triển những ngành công nghiệp không cần nhiều nhân công và nguyên liệu.



Hình 17.2. Sơ đồ tam giác tăng trưởng kinh tế XI-GIÔ-RI

Sự hợp tác để phát triển kinh tế

- xã hội còn biểu hiện qua :

- Nước phát triển hơn đã giúp đỡ cho các nước thành viên chậm phát triển đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất và chế biến lương thực, thực phẩm đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong khu vực và để xuất khẩu.
- Tăng cường trao đổi hàng hoá giữa các nước.
- Xây dựng tuyến đường sắt, đường bộ từ Việt Nam sang Cam-pu-chia, Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po ; từ Mi-an-ma qua Lào tới Việt Nam.
- Phối hợp khai thác và bảo vệ lưu vực sông Mê Công.

Tuy nhiên vào cuối những năm 90 của thế kỉ XX, các nước ASEAN gặp một số khó khăn như khủng hoảng kinh tế, xung đột tôn giáo, thiên tai. Điều đó càng đòi hỏi phải đoàn kết, hợp tác cùng giải quyết những khó khăn đó.

3. VIỆT NAM TRONG ASEAN

Từ khi trở thành thành viên của Hiệp hội, Việt Nam đã tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ.

"Trong quan hệ mậu dịch giữa Việt Nam với các nước ASEAN, tính chung từ 1990 tới nay, tốc độ tăng trung bình 26,8%/năm. Hiện nay, buôn bán với ASEAN chiếm 32,4% tổng buôn bán quốc tế của nước ta. Mặt hàng xuất khẩu chính của nước ta sang ASEAN là gạo. In-đô-nê-xi-a là thị trường gạo lớn nhất của nước ta trong Hiệp hội, tiếp đó là Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a... Hàng hoá nhập khẩu từ ASEAN chủ yếu là nguyên liệu sản xuất như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hàng điện tử..."

Việt Nam có sáng kiến xây dựng Dự án phát triển hành lang Đông - Tây tại lưu vực sông Mê Công gồm Việt Nam, Lào, Thái Lan và Mi-an-ma, nhằm xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước và các vùng trong Hiệp hội. Khi thực hiện Dự án, những lợi thế về kinh tế của miền Trung nước ta sẽ được khai thác và đưa lại lợi ích cho nhân dân các dân tộc đang sinh sống ở khu vực còn nhiều khó khăn này..."

Từ đoạn văn trên hãy cho biết những lợi ích của Việt Nam trong quan hệ mậu dịch và hợp tác với các nước ASEAN là gì ?

Hãy liên hệ với thực tế đất nước, nêu thêm một vài ví dụ về sự hợp tác này.

Tham gia vào ASEAN, Việt Nam vừa có được cơ hội để phát triển đất nước vừa gặp những thách thức rất lớn như sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, sự khác biệt về thể chế chính trị, bất đồng ngôn ngữ... Chúng ta đang có những giải pháp để vượt qua những thử thách này, góp phần vào quá trình tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực.

Năm 1999 Hiệp hội các nước Đông Nam Á đã có mười nước thành viên và hợp tác để cùng phát triển đồng đều, ổn định trên nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng chủ quyền của nhau.

Sự hợp tác đã đem lại nhiều kết quả trong kinh tế, văn hoá, xã hội của mỗi nước.

Tham gia vào ASEAN, Việt Nam có nhiều cơ hội để phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng có nhiều thách thức cần vượt qua.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Mục tiêu hợp tác của Hiệp hội các nước Đông Nam Á đã thay đổi qua thời gian như thế nào ?
2. Phân tích những lợi thế và khó khăn của Việt Nam khi trở thành thành viên của ASEAN.
3. Vẽ biểu đồ hình cột và nhận xét GDP / người của các nước ASEAN theo số liệu dưới đây :

Bảng 17.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người của một số nước Đông Nam Á năm 2001 (đơn vị : USD).

Nước	GDP/người	Nước	GDP/người	Nước	GDP/người
Bru-nây	12 300	Lào	317	Thái Lan	1 870
Cam-pu-chia	280	Ma-lai-xi-a	3 680	Việt Nam	415
In-đô-nê-xi-a	680	Phi-líp-pin	930	Xin-ga-po	20 740

Nguồn : Niên giám thống kê 2002. NXB Thống kê, Hà Nội, 2003.

4. Thu thập thông tin về sự hợp tác của Việt Nam với các nước Đông Nam Á.

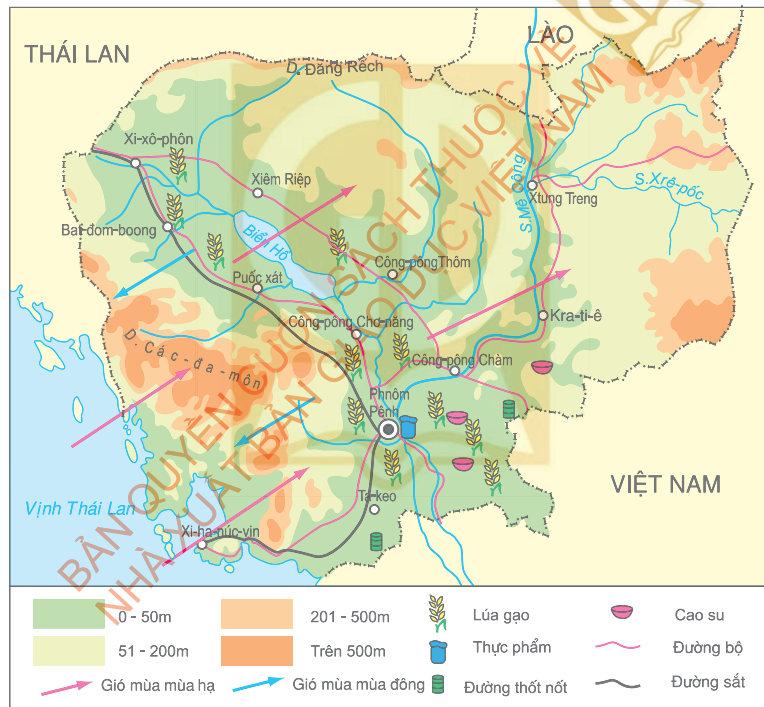
Bài 18 : Thực hành

TÌM HIỂU LÀO VÀ CAM-PU-CHIA

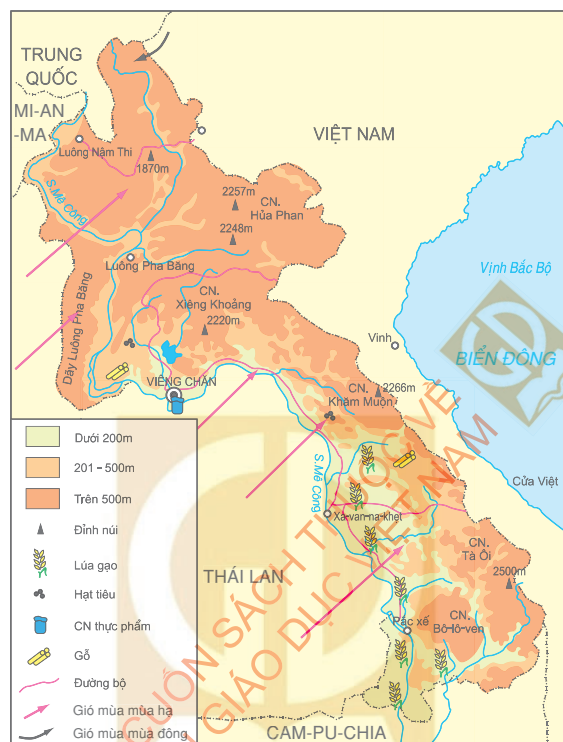
1. Vị trí địa lí

Dựa vào hình 15.1 cho biết Lào hoặc Cam-pu-chia :

- Thuộc khu vực nào, giáp nước nào, biển nào ?
- Nhận xét khả năng liên hệ với nước ngoài của mỗi nước.



Hình 18.1. Lược đồ tự nhiên, kinh tế Cam-pu-chia



Hình 18.2. Lược đồ tự nhiên, kinh tế Lào

2. Điều kiện tự nhiên

Dựa vào hình 18.1, 18.2 và bài 14, trình bày về Lào hoặc Cam-pu-chia theo các nội dung sau :

- Địa hình : các dạng núi, cao nguyên, đồng bằng trong lãnh thổ từng nước.
- Khí hậu : thuộc đới khí hậu nào, chịu ảnh hưởng của gió mùa như thế nào ? Đặc điểm của mùa khô, mùa mưa.
- Sông, hồ lớn.
- Nhận xét thuận lợi và khó khăn của vị trí địa lí, khí hậu đối với sự phát triển nông nghiệp.

3. Điều kiện xã hội, dân cư

Dựa vào bảng 18.1 nhận xét Lào hoặc Cam-pu-chia về :

- Số dân, gia tăng, mật độ dân số.
- Thành phần dân tộc, ngôn ngữ phổ biến, tôn giáo, tỉ lệ số dân biết chữ.
- Bình quân thu nhập đầu người.
- Tên các thành phố lớn, tỉ lệ dân cư đô thị.
- Nhận xét tiềm năng nguồn nhân lực để phát triển đất nước (về số lượng, trình độ văn hoá của dân cư).

4. Kinh tế

Sử dụng hình 18.1 và 18.2 để :

- Nêu tên ngành sản xuất, điều kiện để phát triển ngành, sản phẩm và phân bố ở Lào hoặc Cam-pu-chia.

Ngoài ra các em có thể thu thập tranh, ảnh và các thông tin khác để bổ sung thêm hiểu biết của các em về cuộc sống, sản xuất... của người dân Lào hoặc Cam-pu-chia.

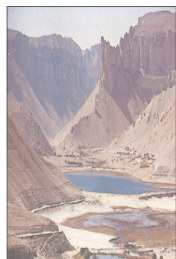
Bảng 18.1. Các tư liệu về Cam-pu-chia và Lào (năm 2002)

Tiêu chí	Cam-pu-chia	Lào	Tiêu chí	Cam-pu-chia	Lào
- Diện tích (km ²)	181.000	236.800	- Tôn giáo (% trong tổng số dân)	Đạo Phật 95	Đạo Phật 60
- Địa hình (%)	75% đồng bằng	90% núi cao nguyên	- Một số tài nguyên	Tôn giáo khác 5	Tôn giáo khác 40
- Dân số (triệu người)	12,3	5,5	- Đa vôi, sắt, mangan, vàng	- Đa vôi, sắt, mangan, vàng	- Thủy năng, gỗ, kim loại màu, kim loại quý
- Tỉ lệ tăng tự nhiên dân số (%)	1,7	2,3	- Cơ cấu kinh tế (%)	- Nông nghiệp : 37,1	- Nông nghiệp : 52,9
- Dân cư đô thị (%)	16	17	- Công nghiệp : 20,5	- Công nghiệp : 20,5	- Công nghiệp : 22,8
- Số dân biết chữ (% dân số)	35	56	- Dịch vụ : 42,4	- Dịch vụ : 42,4	- Dịch vụ : 24,3
- GDP/người năm 2001 (USD)	280	317	- Sản phẩm chính của nền kinh tế	- Lúa gạo, ngô, cà, cao su, xi măng	- Cà phê, hạt tiêu, lúa gạo, quế, sa nhân, gỗ, thiếc, thạch cao, điện
- Thành phần dân tộc (%)	Khome 90 Viết 5 Hoa 1 Khác 4	Lào 50 Thái 14 Mông 13 Còn lại 23	- Thủ đô và thành phố lớn	- Phnôm Pênh Bát-dôm-boong	- Viêng Chăn Xa-van-na-khet Luông Pha-băng
- Ngôn ngữ phổ biến	Khome Kho-me	Lào			

XII. TỔNG KẾT

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VÀ ĐỊA LÝ CÁC CHÂU LỤC



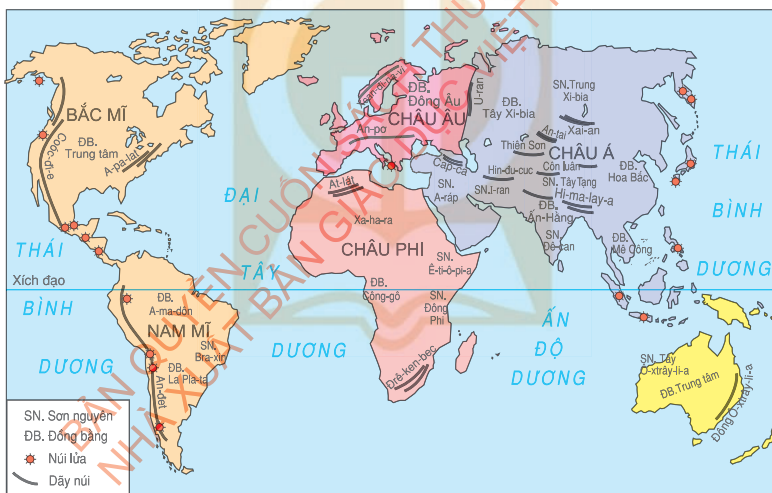


Bài 19 : ĐỊA HÌNH VỚI TÁC ĐỘNG CỦA NỘI, NGOẠI LỰC

Nội lực, ngoại lực xảy ra đồng thời hoặc xen kẽ nhau và tạo nên các hình dạng vô cùng phong phú của bề mặt Trái Đất.

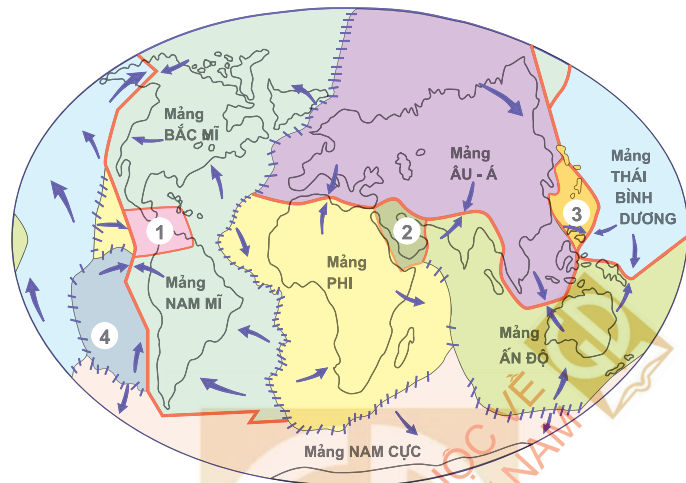
1. TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC LÊN BỀ MẶT ĐẤT

Nội lực là lực sinh ra từ trong lòng Trái Đất.



Hình 19.1. Lược đồ thế giới với một số dạng địa hình lớn

1. Quan sát hình 19.1, đọc tên và nêu vị trí của các dãy núi, sơn nguyên, đồng bằng lớn trên các châu lục.



- ➡ Hướng di chuyển của các địa mảng
- Hai mảng xô vào nhau
- - - Hai mảng tách xa nhau
- 1,2,3,4 Các địa mảng nhỏ

Hình 19.2. Lược đồ các mảng kiến tạo



Hình 19.3. Hậu quả động đất ở Cô-bê (Nhật Bản), 1995

2. Quan sát các hình 19.1, 19.2 và dựa vào kiến thức đã học, cho biết các dãy núi cao, núi lửa của thế giới xuất hiện ở vị trí nào của các mảng kiến tạo ?

3. Quan sát hình 19.3, 19.4 và 19.5, cho biết nội lực còn tạo ra hiện tượng gì ? Nêu một số ảnh hưởng của chúng tới đời sống con người.



Hình 19.4. Đảo núi lửa Xóc-xây (phía nam Ai-xơ-len)

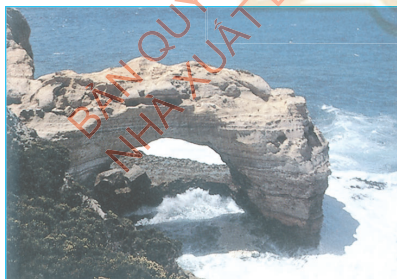


Hình 19.5. Các lớp đất đá bị xô lệch ở thượng sông Ranh (Đức)

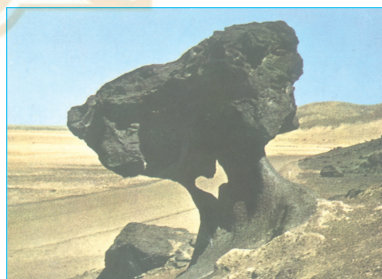
2. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC LÊN BỀ MẶT ĐẤT

Các yếu tố tự nhiên không ngừng tác động lên bề mặt đất, nơi bị phá đi, nơi được bồi đắp nên.

1. Quan sát các ảnh dưới đây, mô tả hình dạng địa hình trong ảnh và cho biết chúng được hình thành do các tác động nào của ngoại lực ?



a) Bờ biển cao ở Ô-xtrây-li-a



b) Nấm đá ba dan ở Ca-li-phoóc-ni-a (Hoa Kỳ)



c) Cảnh đồng lúa ở đồng bằng châu thổ sông Mê-nam (Thái Lan)



d) Thung lũng sông ở vùng núi Áp-ga-ni-xtan

Hình 19.6. Một số hình dạng của bề mặt Trái Đất

2. Sử dụng lược đồ hình 19.1 và kiến thức đã học, hãy tìm thêm ba ví dụ cho mỗi dạng địa hình.

Mỗi địa điểm trên Trái Đất đều chịu sự tác động thường xuyên, liên tục của nội lực và ngoại lực. Sự thay đổi bề mặt đất đã diễn ra trong suốt quá trình hình thành và tồn tại của Trái Đất. Ngày nay bề mặt đất vẫn đang tiếp tục thay đổi.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Chọn trong sách giáo khoa Địa lí 8, ba ảnh cảnh quan tự nhiên thể hiện các dạng địa hình khác nhau và nêu những yếu tố tự nhiên chính tác động tạo nên các cảnh quan trong các ảnh đó.
2. Nêu một số ví dụ về cảnh quan tự nhiên của Việt Nam thể hiện rõ các dạng địa hình chịu tác động của ngoại lực.
3. Địa phương em có những dạng địa hình nào ? Chịu những tác động của ngoại lực nào ?

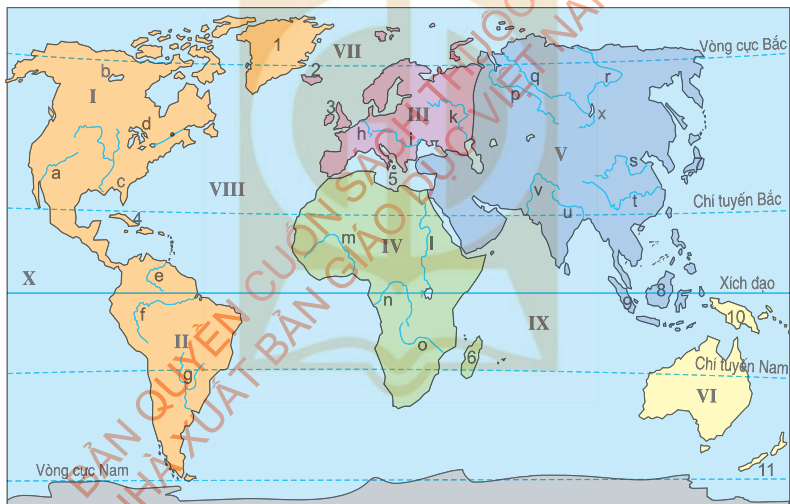


Bài 20 : KHÍ HẬU VÀ CẢNH QUAN TRÊN TRÁI ĐẤT

Các nơi trên bề mặt Trái Đất nhận lượng nhiệt mặt trời không giống nhau nên xuất hiện các đới khí hậu khác nhau. Yếu tố địa hình; vị trí xa hoặc gần biển, đại dương đều ảnh hưởng tới khí hậu từng vùng. Sự đa dạng của khí hậu đã tạo nên sự phong phú của cảnh quan thiên nhiên.

1. KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

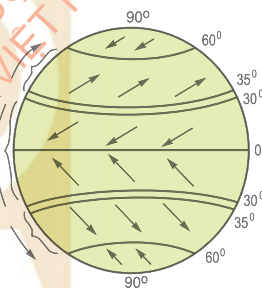
Các châu lục chiếm vị trí khác nhau trên bề mặt Trái Đất nên có các đới và kiểu khí hậu khác nhau.



Hình 20.1. Lược đồ thế giới

1. Quan sát hình 20.1, cho biết mỗi châu lục có những đới khí hậu nào ?
2. Nêu đặc điểm của ba đới khí hậu : nhiệt đới, ôn đới, hàn đới. Giải thích vì sao thủ đô Oen-lin-ton (41°N , 175°Đ) của Niu Di- lân lại đón năm mới vào những ngày mùa hạ.

Hình 20.3. Sơ đồ các vành đai gió trên Trái Đất



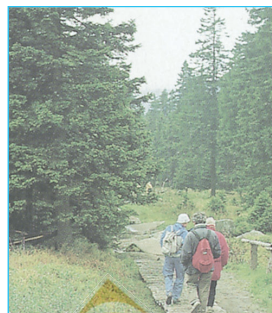
4. Quan sát hình 20.3, nêu tên và giải thích sự hình thành các loại gió chính trên Trái Đất.

2. CÁC CẢNH QUAN TRÊN TRÁI ĐẤT

71



a)



b)



c)



d)



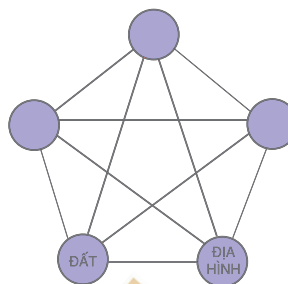
d)

Hình 20.4. Ảnh một số cảnh quan chính trên Trái Đất

1. Quan sát hình 20.4, mô tả các cảnh quan trong ảnh. Các cảnh quan đó thuộc những đới khí hậu nào ?

2. Hãy vẽ lại sơ đồ hình 20.5 vào vở, điền vào các ô trống tên của thành phần tự nhiên và đánh mũi tên thể hiện mối quan hệ giữa chúng sao cho phù hợp và đầy đủ.

3. Dựa vào sơ đồ đã được hoàn tất, trình bày mối quan hệ tác động qua lại giữa các thành phần tạo nên cảnh quan thiên nhiên.



Hình 20.5. Sơ đồ mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên

Do vị trí địa lí, kích thước lãnh thổ, mỗi châu lục có các đới, kiểu khí hậu cụ thể. Từ đó, mỗi châu lục có các cảnh quan tương ứng.

Các thành phần của cảnh quan tự nhiên có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Một yếu tố thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi các yếu tố khác, dẫn đến sự thay đổi của cảnh quan.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

- Quan sát hình 20.1, ghi vào vở :
 - Tên các châu lục, các đại dương theo thứ tự : I, II ... X
 - Tên các đảo lớn theo thứ tự : 1, 2 ... 11
 - Tên các sông, hồ lớn theo thứ tự : a, b ... v
- Dựa vào hình 20.1 và kiến thức đã học, điền vào bảng theo mẫu dưới đây một số đặc điểm tiêu biểu của khí hậu, cảnh quan tự nhiên của châu Á.

Châu	Đới khí hậu	Kiểu khí hậu đặc trưng của các khu vực	Cảnh quan chính của các khu vực
Châu Á			